

Số: 05 /BVĐKVY

Việt Yên, ngày 06 tháng 7 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành
(Điều chỉnh lần 1)**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đa khoa Việt Yên

Số giấy phép hoạt động: 719/BN-GPHĐ.

Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh. Ngày cấp: 08/01/2026

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc Giám đốc Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động. Địa chỉ: TDP Đồn Lương, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Trần Minh Phương, CCHN số: 002282/BG-CCHN do Sở Y tế Bắc Ninh cấp ngày 25/12/2013; Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại.

Điện thoại liên hệ: 0913.281.983 Email (nếu có):

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Chức danh Bác sĩ: Bác sĩ Y khoa, bác sĩ Y học cổ truyền, bác sĩ Y học dự phòng, bác sĩ Răng hàm mặt, bác sĩ chuyên khoa (Nội, Ngoại, Sản, Nhi, PHCN, TMH, RHM, Mắt, GMHS, CDHA, HSCC)

- Chức danh Y sĩ: Y sĩ đa khoa, Y sĩ Y học cổ truyền.

- Điều dưỡng

- Hộ sinh

- Kỹ thuật y: Xét nghiệm y học, Hình ảnh y học, Phục hồi chức năng, Khúc xạ nhãn khoa

Nội dung điều chỉnh: Bổ sung đối tượng bác sĩ chuyên khoa Nội, Ngoại, Sản, Nhi, PHCN, TMH, Mắt, RHM, Gây mê hồi sức, Chẩn đoán hình ảnh, Hồi sức cấp cứu.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: 126 người (Phụ lục 2 kèm theo)

3. Các nội dung thực hành ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 630 người

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

Nội dung điều chỉnh: Thay đổi chi phí hướng dẫn thực hành đối với chức danh bác sĩ, điều dưỡng, y sĩ, hộ sinh, KTY 500.000 đồng/tháng

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố gồm:

1. Phụ lục 1: Đối tượng hướng dẫn thực hành.
2. Phụ lục 2: Danh sách người đủ điều kiện hướng dẫn thực hành.
3. Phụ lục 3: Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh.
4. Phụ lục 3.1-> 3.21: Khung nội dung thực hành chi tiết./.



Trần Minh Phương

PHỤ LỤC 1. ĐỐI TƯỢNG TIẾP NHẬN THỰC HÀNH

TT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi chuyên môn tiếp nhận thực hành
I	Bác sỹ	
1		Y khoa
2		Y học dự phòng
3		YHCT
4		RHM
5		Chuyên khoa nội khoa
6		Chuyên khoa ngoại khoa
7		Chuyên khoa Phụ sản
8		Chuyên khoa nhi khoa
9		Chuyên khoa TMH
10		Chuyên khoa mắt
11		Chuyên khoa GMHS
12		Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
13		Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
14		Chuyên khoa PHCN
II	Y sỹ	
15		Y sỹ đa khoa
16		Y sỹ YHCT
III	Điều dưỡng	
17		Điều dưỡng (Trung cấp, cao đẳng, đại học)
IV	Hộ sinh	
18		Hộ sinh (Trung cấp, cao đẳng, đại học)
V	Kỹ thuật Y	
19		Xét nghiệm Y học (Trung cấp, cao đẳng, đại học)
20		Hình ảnh y học (Trung cấp, cao đẳng, đại học)
21		Phục hồi chức năng (Trung cấp, cao đẳng, đại học)
22		Khúc xạ nhãn khoa (Trung cấp, cao đẳng, đại học)
	Tổng số	22 Đối tượng



PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

TT	Họ tên người HDTH	Văn bằng, năm cấp	Số CCHN/GPHN	Ngày cấp	Chức danh chuyên môn hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn/Khoa phòng	TG đăng ký hành nghề tại cơ sở	HDTH các đối tượng	Ghi chú
1	Trần Minh Phương	BSCKII Ngoại khoa (2024)	002282/BG-CCHN	25/12/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Giám đốc	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Ngoại; BS Y khoa; BS YHDP	
2	Chu Bá Tâm	BS CKII chuyên ngành ngoại khoa (2015)	000329/BG-CCHN	08/03/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại	Phó giám đốc/ Bác sỹ CK II làm việc tại khoa Ngoại	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Ngoại; BS Y khoa; BS YHDP	
3	Nguy Thanh Chiến	Bằng đại học điều dưỡng (2010); Chứng chỉ quản lý điều dưỡng (2009)	000353/BG-CCHN	08/03/2013	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Trưởng phòng Điều dưỡng	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
4	Nguyễn Trọng Long	Bác Sĩ CKI Tai Mũi Họng (2017)	000331/BG-CCHN	08/03/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Tai Mũi Họng	Bác sỹ CKI/Trưởng khoa Khám bệnh - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK TMH; BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
5	Nguyễn Danh Hòe	Bác sĩ CKI chuyên ngành nội khoa năm 2017, chứng nhận tăng huyết áp (2019), COPD và hen phế quản (2020)	000868/BG-CCHN	24/07/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa (Tram Y tế), Nội khoa không làm thủ thuật	Bác sỹ CKI làm việc tại khoa Khám bệnh - LCK	Từ 6h30 - 16h30 từ thứ Hai đến thứ Sáu	BS CK Nội; BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ	
6	Ngô Thị Thu	Văn bằng BSDK cấp 2018	008171/BG-CCHN	25/08/2021	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ khoa Khám bệnh - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
7	Vũ Quốc Huy	Bác sỹ CK I Răng hàm mặt (2022), Giấy chứng nhận gây mê hồi sức 2009	000333/BG-CCHN	08/03/2013	Bác sĩ	Chuyên khoa gây mê hồi sức, chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Phó trưởng Khoa Khám bệnh - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK RHM; BS CK GMHS; BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
8	Hoàng Thị Linh	Bác sĩ chuyên khoa I nhân khoa năm 2023, Bác sĩ đa khoa năm 2014,Chứng chỉ khúc xạ nhãn khoa năm 2019, Chứng chỉ siêu âm mắt A-B năm 2022,Chứng chỉ vi phẫu năm 2023, Chứng chỉ phẫu thuật mống ghép kết mạc rìa tự thân năm 2024	005456/BG-CCHN	10/06/2016	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa nhãn khoa	Bác sỹ CKI làm việc tại khoa Khám bệnh - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Nhân khoa; BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa; KTY Khúc xạ nhãn khoa	
9	Đỗ Thị Thoa	Bác sĩ đa khoa năm 2019	008562/BG-CCHN	08/12/2022	Bác sĩ	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ làm việc tại khoa Khám bệnh - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
10	Phùng Đăng Khoa	BS đa khoa 1991,Bác sỹ CK I Răng hàm mặt 2008, chứng chỉ chỉnh hình răng mặt (2022), chứng chỉ cấy ghép implant nha khoa (2021)	000343/BG-CCHN	08/03/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Bác sỹ CKI/Phó khoa KB- LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK RHM; BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
11	Lê Thị Hiền	BSDK 2004, BSCKI tai mũi họng 2019.Chứng chỉ nội soi tai mũi họng 2019	000341/BG-CCHN	05/09/2019	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Bác sỹ CKI làm việc tại khoa KB- LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK TMH; BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
12	Đỗ Thị Hiền	CK I điều dưỡng (2022)	006298/BG-CCHN	14/07/2017	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng trưởng Khoa KB- LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
13	Hoàng Thị Bích Phương	Cử nhân điều dưỡng (2020)	0005120/BG-CCHN	21/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa KB - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
14	Lê Thị Thiệp	Cao đẳng điều dưỡng năm 2022	008645/BG-CCHN	14/10/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa KB - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
15	Đỗ Thị Ngoan	Cử nhân điều dưỡng (2020)	000371/BG-CCHN	21/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa KB - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	

16	Chu Thị Thuận	Cử nhân điều dưỡng (2020)	000392/BG-CCHN	21/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa KB - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
17	Cao Thị Yến	Cao đẳng điều dưỡng (2018)	0017927/BYT- CCHN	14/03/2014	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa KSNK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
18	Nguyễn Thị Quyên	Cử nhân điều dưỡng năm 2021	006269/BG-CCHN	03/07/2017	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa KB - LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
19	Vũ Thị Hạ	Cử nhân điều dưỡng 2011, Giấy chứng nhận đào tạo liên tục Điều dưỡng chuyên khoa Mắt 2015	000350/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng trưởng Khoa KB-LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
20	Trần Thị Huân	Cử nhân điều dưỡng 2011	000361/BG-CCHN	08/3/0213	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa KB-LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
21	Dương Thị Thanh Hà	Cử nhân điều dưỡng (2010)	000348/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa KB-LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
22	Nguyễn Thị Nhung	Cử nhân điều dưỡng 2020, Điều dưỡng nha khoa (Trung học chuyên nghiệp)2008	000395/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Điều dưỡng nha khoa	Điều dưỡng Khoa KB-LCK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
23	Nguyễn Thành Hưng	Bác sỹ CK1 Hồi sức cấp cứu năm 2010- Chứng nhận thận nhân tạo cơ bản năm 2023	000342/BG-CCHN	08/03/2013	Bác sĩ	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa hồi sức cấp cứu	Bác sỹ CKI/Trưởng khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK HSCC; BS RHM; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT	
24	Đỗ Văn Mạnh	Bác sỹ CK1 Hồi sức cấp cứu (2022)- Chứng nhận thận nhân tạo cơ bản 2023	006417/BG-CCHN	25/08/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	Bác sỹ CKI làm việc tại khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK HSCC; BS RHM; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa; Y sĩ YHCT	
25	Nguyễn Thị Huyền	Bác sỹ y khoa (2021), Quản lý điều trị ngoại trú đài tháo đường (2023)	000033/BG-GPHN	01/02/2024	Bác sĩ	Đa khoa	Bác sỹ làm việc tại khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
26	Nguyễn Thị Hồng	Cử nhân điều dưỡng (2020)	006440/BG-CCHN	26/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng, KTY, Hộ sinh	
27	Nguyễn Thị Phương	cử nhân điều dưỡng (2025), chứng chỉ thận nhân tạo cơ bản 2024	003853/BN-CCHN	17/10/2016	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng, KTY, Hộ sinh	
28	Nguyễn Thị Nguyệt	Cử nhân điều dưỡng (2020), Chứng chỉ chăm sóc người bệnh hồi sức tích cực (2025)	007905/BG-CCHN	11/01/2021	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng, KTY, Hộ sinh	
29	Nguyễn Thu Thuý	Cử nhân điều dưỡng (2020), Chứng nhận hồi sức cấp cứu cơ bản (2015), chứng nhận thận nhân tạo cơ bản 2023	000363/BG-CCHN	21/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng trưởng Khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng, KTY, Hộ sinh	
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	cử nhân điều dưỡng (2025), chứng nhận thận nhân tạo cơ bản 2023	000396/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng, KTY, Hộ sinh	
31	Giáp Ngọc Long	Cao đẳng điều dưỡng(2021), chứng chỉ thận nhân tạo cơ bản (2024)	008593/BG-CCHN	29/08/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng, KTY, Hộ sinh	
32	Tô Thị Thảo	Cử nhân điều dưỡng (2020)	000375/BG-CCHN	21/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng, KTY, Hộ sinh	
33	Hoàng Thị Ngọc	cử nhân điều dưỡng 2020, chứng nhận thận nhân tạo cơ bản 2023	000377/BG-CCHN	21/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng, KTY, Hộ sinh	
34	Nguyễn Tuyết Minh	Điều dưỡng trung cấp (2011), Cử nhân điều dưỡng (2023)	007416/BG-CCHN	06/11/2019	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa CC-HSTC-CD	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng, KTY, Hộ sinh	
35	Chu Thị Hạnh	Bác sĩ đa khoa (2017)	007401/BG-CCHN	18/10/2019	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Bác sỹ làm việc tại khoa Nội - TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
36	Trần Thanh Huyền	BSCKI Nội khoa năm 2013, chứng chỉ nội tiết - đài tháo đường năm 2016	000366/BG-CCHN	08/03/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội	Trưởng khoa Nội - Truyền nhiễm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Nội; BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	

37	Nguyễn Thị Huệ	BSYK (2019)	000389/BG-CCHN	08/12/2021	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh da khoa	Bác sỹ làm việc tại khoa Nội - Truyền nhiễm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
38	Đoàn Thị Dung	Cử nhân điều dưỡng năm 2014	000373/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Nội - TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
39	Nguyễn Thị Lương	Cao đẳng điều dưỡng năm 2004	000352/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Nội - TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
40	Phạm Thị Lan Anh	Cử nhân điều dưỡng 2025	013870/HNO-CCHN	22/07/2014	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Nội - TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
41	Nguyễn Thị Tinh	Điều dưỡng TH năm 2005; Cử nhân điều dưỡng năm 2014	000401/BG-CCHN	21/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Nội - TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
42	Hoàng Thị Yến	Cử nhân điều dưỡng năm 2025	005694/BG-CCHN	08/09/2016	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Nội - TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
43	Lê Thị Mười	Y sĩ sản nhi năm 2003 ;cử nhân điều dưỡng năm 2025	000372/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Nội - TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
44	Nguyễn Thị Thu Hường	Cử nhân điều dưỡng năm 2015	000360/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng trưởng Khoa Nội -TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
45	Nguyễn Thị Thu	Trung cấp y bác giang 1992	000378/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Nội - TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
46	Hoàng Thị Hoà	Cử nhân điều dưỡng năm 2017	000362/BG-CCHN	21/04/2022	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Nội - TN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
47	Dương Minh Hiền	Bác sĩ chuyên khoa cấp I Y học cổ truyền năm 2014	0004939/BG-CCHN	28/10/2015	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Bác sỹ CKI/Trưởng khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS YHCT, Y sĩ YHCT	
48	Nguyễn Thị Lê	BS Y Học Cổ Truyền năm 2016	007057/BG-CCHN	12/11/2018	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Bác sỹ làm việc tại khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS YHCT, Y sĩ YHCT	
49	Nguyễn Châu Thảo	Bác sĩ y học cổ truyền 2016	007045/BG-CCHN	30/10/2018	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Bác sỹ làm việc tại khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS YHCT, Y sĩ YHCT	
50	Thân Quốc Cường	BS yhet (2013), BSCKI yhet (2019), Chứng chỉ đào tạo PHCN cơ bản(2023)	0005158/BG-CCHN	30/03/2016	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền, chuyên khoa Phục hồi chức năng	Bác sỹ làm việc tại khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS YHCT, Y sĩ YHCT	
51	Nguyễn Văn Luận	Y sỹ Y Học Cổ Truyền năm 2001	000419/BG-CCHN	08/03/2013	Y sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Y sỹ giúp việc tại khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Y sĩ YHCT	
52	Nguyễn Thị Nga	Y sỹ Y học cổ truyền năm 2008, chứng chỉ đào tạo PHCN 2011	000421/BG-CCHN	08/02/2013	Y sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Y sỹ giúp việc tại khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Y sĩ YHCT	
53	Hoàng Thị Kim Ngân	Bằng điều dưỡng chuyên khoa I chuyên ngành điều dưỡng Nội người lớn năm 2022, Bằng cử nhân điều dưỡng năm 2013; Chứng chỉ "Kỹ thuật chăm cứu & xoa bóp bấm huyệt cơ bản" năm 2020	0004113/BG-CCHN	13/05/2015	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
54	Ngô Thị Vân	Cử nhân Điều dưỡng năm 2025	000381/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
55	Hoàng Thị Luyện	Cử nhân điều dưỡng 2020	000391/BG-CCHN	26/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa KSNK	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
56	Nguyễn Thị Lân	Bs CK I Nhi khoa (2023), các bệnh lý sơ sinh cơ bản (2025)	0005455/BG-CCHN	10/06/2016	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bác sỹ CKI làm việc tại khoa Nhi	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Nhi; BS Y khoa; BS YHDP ; Y sĩ đa khoa	
57	Tạ Thị Tinh	BSCKI Nhi (2015), chứng nhận siêu âm tổng quát (2010)	0003922/BG-CCHN	17/04/2015	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ CKI/Phó trưởng khoa Nhi	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	

58	Nguyễn Thị Thanh	bác sĩ y khoa 2020,chứng chỉ kiến thức và thực hành về dinh dưỡng lâm sàng và điều trị 2021	0002814/BG-CCHN	26/04/2022	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ làm việc tại khoa Nhi	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
59	Nguyễn Việt Thanh	Bác sỹ y khoa (2019)	000358/BG-CCHN	08/12/2021	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ làm việc tại khoa Nhi	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
60	Trần Thị Mai	Cử nhân điều dưỡng (2013), Hồi sức sơ sinh cơ bản và chăm sóc thiết yếu (2025)	0005046/BG-CCHN	09/12/2015	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Nhi	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
61	Đỗ Thị Mai	Cử nhân điều dưỡng (2014)	005065/BN-CCHN	22/04/2025	Điều Dưỡng	Điều Dưỡng	Điều dưỡng Khoa Nhi	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
62	Tạ Thị Hiền	cử nhân ngành điều dưỡng năm 2014, điều dưỡng nhi khoa cơ bản (2022)	000369/BG-CCHN	21/04/2022	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Nhi	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
63	Trần Thị Thanh	Cử nhân Điều dưỡng (2020), chứng chỉ điều dưỡng nhi khoa năm (2022)	000407/BG-CCHN	21/04/2022	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng trưởng Khoa Nhi	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
64	Thân Thị Dung	cao đẳng điều dưỡng 2021	006336/BG-CCHN	31/07/2017	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Nhi	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
65	Đoàn Văn Trung	BSCKI Ngoại khoa (2014), BSCKII Ngoại khoa (2025)	000335/BG-CCHN	08/03/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại	Bác sỹ CKI/Trưởng khoa Ngoại	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Ngoại; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
66	Đoàn Sơn Tùng	ThSBs (2021), chứng chỉ nam khoa (2019), phẫu thuật nội soi can thiệp qua đường niệu đạo (2020), phẫu thuật nội soi ổ bụng (2017), can thiệp ít xâm lấn điều trị hẹp đường tiết niệu (2019), tán sỏi thận qua da (2020), chứng chỉ những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý nam khoa thường gặp (2019), chứng nhận điện tim đồ (2016)	005680/BG-CCHN	08/9/2016	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Ths.BS/ Phó trưởng khoa Ngoại TH/ PTP KHNV	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Ngoại; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ	
67	Nguyễn Văn Long	BS CKI (2020), Chứng chỉ phẫu thuật nội soi cơ bản (2021), phẫu thuật nội soi tuyến giáp (2024), nam khoa cơ bản (2023)	003065/LS-CCHN	07/09/2015	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sỹ CKI làm việc tại khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Ngoại; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
68	Thân Văn Sao	BSCKI chuyên ngành gây mê hồi sức (2015)	000332/BG-CCHN	08/03/2013	Bác sĩ	Chuyên khoa gây mê hồi sức	Bác sỹ CKI làm việc tại khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK GMHS	
69	Nguyễn Danh Tuấn	BSCKI Ngoại khoa (2018), Chứng chỉ phẫu thuật nội soi cơ bản (2019)	0003155/BG-CCHN	24/11/2014	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Bác sỹ CKI Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Ngoại; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
70	Nguyễn Thị Thoa	bằng CKI điều dưỡng (2022), Bằng cử nhân đại học điều dưỡng 2015,chứng chỉ quản lý điều dưỡng (2015)	000387/BG-CCHN	21/04/2022	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng trưởng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
71	Lê Thanh Tâm	Bằng ck1 điều dưỡng (2022). Bằng cử nhân điều dưỡng (2018)	000406/BG-CCHN	21/04/2022	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
72	Dương Thị Luyên	cao đẳng điều dưỡng gây mê hồi sức năm (2011)	000388/BG-CCHN	08/03/2013	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
73	Nguyễn Thị Hoà	Cử nhân điều dưỡng (2020), cao đẳng điều dưỡng gây mê hồi sức (2009)	000405/BG-CCHN	21/04/2022	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
74	Nguyễn Thị Lý	Cử nhân ĐD (2021)	000399/BG-CCHN	05/07/2024	Điều Dưỡng	Điều Dưỡng	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
75	Thân Thị Oanh	Cử nhân điều dưỡng gây mê hồi sức (2020)	000380/BG-CCHN	21/04/2022	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
76	Thân Văn Tiến	Cử nhân điều dưỡng (2025), Chứng chỉ điều dưỡng Gây mê hồi sức (2023)	005888/BG-CCHN	06/12/2016	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
77	Lâm Thị Hạnh	cử nhân điều dưỡng (2014)	005988/BG-CCHN	17/01/2017	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
78	Nguyễn Thị Huyền	Bằng cử nhân điều dưỡng (2025)	000379/BG-CCHN	08/03/2013	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	

79	Nguyễn Thị Phương	Cao đẳng điều dưỡng (2024)	000398/BG-CCHN	08/03/2013	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
80	Nguyễn Thị Tú Anh	điều dưỡng cao đẳng (2018)	007342/BG-CCHN	05/09/2019	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
81	Nguyễn Thị Dung	điều dưỡng cao đẳng (2019)	006830/BG-CCHN	07/05/2018	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
82	Thân Thị Huyền	cử nhân điều dưỡng năm 2025	000393/BG-CCHN	08/03/2013	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng Khoa Ngoại TH	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
83	Nguyễn Thị Hạnh	BSCKI sản phụ khoa (2008)	000195/BG-CCHN	14/12/2012	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	Bác sỹ CKI/Trưởng khoa Phụ Sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Phụ sản; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
84	Nguyễn Thị Hồng Gấm	BSCKI Sản phụ khoa (2017)	000365/BG-CCHN	13/06/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	Bác sỹ CKI làm việc tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Phụ sản; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
85	Lê Thị Thúy Hương	BSCKI sản phụ khoa (2014), chứng chỉ phẫu thuật nội soi phụ khoa cơ bản (2020)	0003873/BG-CCHN	17/4/2015	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	Phó trưởng Khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Phụ sản; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
86	Hoàng Thị Xoan	BSCKI Sản (2016)	001289/LS-CCHN	22/8/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	Bác sỹ làm việc tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK Phụ sản; BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
87	Nguyễn Long Giang	Bác sĩ Y khoa (2020)	008724/BG-CCHN	06/12/2022	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	Bác sỹ làm việc tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP; Y sĩ đa khoa	
88	Thân Thị Hiền	Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành phụ sản (2012)	000412/BG-CCHN	08/03/2013	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Điều dưỡng trưởng khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
89	Trần Thị Như	CĐ danh hiệu cử nhân thực hành hộ sinh (2019)	000413/BG-CCHN	08/03/2013	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh viên tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
90	Vũ Thị Nga	CĐ danh hiệu cử nhân thực hành hộ sinh (2020)	000417/BG-CCHN	08/03/2013	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh viên tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
91	Hoàng Thị Nhường	CĐ danh hiệu cử nhân thực hành hộ sinh (2020)	000410/BG-CCHN	08/03/2013	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh viên tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
92	Ngô Thị Tinh	CĐ danh hiệu cử nhân thực hành hộ sinh (2019)	000415/BG-CCHN	08/03/2013	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh viên tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
93	Nguyễn Thị Thanh	Cao đẳng hộ sinh (2010)	000411/BG-CCHN	08/03/2013	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh viên tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
94	Nguyễn Thị Thiêt	CĐ danh hiệu cử nhân thực hành hộ sinh (2020)	000409/BG-CCHN	08/03/2013	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh viên tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
95	Nguyễn Thị Thu Cúc	CĐ danh hiệu cử nhân thực hành hộ sinh (2020)	000416/BG-CCHN	08/03/2013	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh viên tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
96	Nguyễn Thị Huệ	CĐ danh hiệu cử nhân thực hành hộ sinh (2019)	000408/BG-CCHN	08/03/2013	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh viên tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
97	Dương Thị Thuý	Cao đẳng hộ sinh (2012)	0005047/BG-CCHN	09/12/2015	Nữ hộ sinh	Hộ sinh theo Thông tư 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh viên tại khoa Phụ sản	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Hộ sinh	
98	Nguyễn Minh Hiệp	BS yhet (2010), chứng chỉ định hướng PHCN (2011), BSCK1 yhet (2022)	000420/BG-CCHN	08/03/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền, chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Bác sỹ CKI/Phó khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS YHCT; BS CK PHCN; Y sĩ YHCT	
99	Nguyễn Thị Lân	BS yhet (2015), chứng chỉ định hướng PHCN (2017)	006173/BG-CCHN	15/05/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền, chuyên khoa Phục hồi chức năng	Phó trưởng khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS YHCT; BS CK PHCN; Y sĩ YHCT	
100	Trần Thị Hồng Vân	Cử nhân PHCN 2013	0005041/BG-CCHN	09/12/2015	KTV	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng, vật lý trị liệu	KTV trưởng khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY PHCN	
101	Bế Thị Tươi	Cao đẳngVật lý trị liệu- PHCN năm 2010	000769/BG-CCHN	22/05/2013	KTV	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng, vật lý trị liệu	Kỹ thuật viên YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY PHCN	

102	Vũ Thị Dinh	Bảng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng (2025)	0005042/BG-CCHN	09/12/2015	KTV	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng, vật lý trị liệu	Kỹ thuật viên YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY PHCN	
103	Đỗ Thị Hoài	Cao đẳng điều dưỡng năm 2021, chứng chỉ phục hồi chức năng cơ bản (2022)	008074/BG-CCHN	14/05/2021	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng viên giúp việc tại khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
104	Đoàn Thị Nụ	điều dưỡng cao đẳng 2012, chứng nhận lọc máu cơ bản 2013	0002817/BG-CCHN	16/07/2014	Điều Dưỡng	Quy định tại thông tư số 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng viên giúp việc tại khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
105	Nguyễn Thị Mùi	Điều dưỡng cao đẳng 2019, Cử nhân điều dưỡng 2025, chứng chỉ vật lý trị liệu và phục hồi chức năng cơ bản năm 2020	008323/BG-CCHN	18/01/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng viên giúp việc tại khoa YHCT-PHCN	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
106	Vũ Văn Nam	Bs KI Chẩn đoán hình ảnh (2008)	000203/BG-CCHN	14/12/2012	Bác sĩ	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sỹ CKI/Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK CDHA	
107	Hoàng Thị Minh	Bs CKI Chẩn đoán hình ảnh (2018)	0005060/BG-CCHN	09/12/2015	Bác sĩ	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm). Quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh.	Bác sỹ CKI/Phó trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK CDHA	
108	Nguyễn Minh Thành	Thạc sĩ y học (2021), chứng chỉ chuyên khoa định hướng chẩn đoán hình ảnh (2013)	0002147/BN-CCHN	26/02/2014	Bác sĩ	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sỹ CKI làm việc tại khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK CDHA	
109	Nguyễn Thị Nga	Bác sĩ y đa khoa (2017) Chứng chỉ chuyên khoa định hướng Chẩn đoán hình ảnh (2018)	007599/BG-CCHN	04/05/2020	Bác sĩ	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sỹ làm việc tại khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK CDHA	
110	Đỗ Văn Lập	BS CKI Chẩn đoán hình ảnh (2023)	0005457/BG-CCHN	22/7/2020	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa CDHA	Bác sỹ làm việc tại khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS CK CDHA	
111	Nguyễn Thị Sinh	Bác sỹ đa khoa năm 2019; chứng chỉ siêu âm tổng quát chẩn đoán các bệnh lý thường gặp (2019)	008424/BG-CCHN	26/04/2022	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ làm việc tại khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa; BS YHDP, Y sĩ đa khoa	
112	Nguyễn Văn Dương	Cử nhân hình ảnh y học 2013, chứng chỉ đào tạo kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính (2017)	005459/BG-CCHN	10/06/2016	KTV	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Xquang giúp việc tại khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY HAYH	
113	Nguyễn Văn Thắng	Bảng cử nhân (2017)	002178/BG-CCHN	21/04/2022	KTV	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	KTV trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY HAYH	
114	Diễm Thị Thu Hường	bảng cử nhân điều dưỡng (2021)	000400/BG-CCHN	05/07/2024	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng khoa CDHA	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
115	Ngô Thị Thanh	Bảng Cử nhân điều dưỡng năm 2020	000383/BG-CCHN	21/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng khoa CDHA	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
116	Nguyễn Thị Thoa	Bảng cử nhân điều dưỡng (2021)	000382/BG-CCHN	16/08/2024	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Điều dưỡng khoa CDHA	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
117	Nguyễn Thị Thuý Anh	Bảng cử nhân điều dưỡng năm 2020	000374/BG-CCHN	21/04/2022	Điều dưỡng	Quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Điều dưỡng khoa CDHA	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
118	Hà Thị Tuyền	Cử nhân điều dưỡng (2021), Điều dưỡng gây mê hồi sức (2007)	000402/BG-CCHN	05/07/2024	Điều Dưỡng	Điều Dưỡng	Điều dưỡng làm việc tại Khoa CDHA	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	Điều dưỡng	
119	Nguyễn Thị Sâm	Bảng cử nhân xét nghiệm y học (2013)	000355/BG-CCHN	21/01/2019	KTV	Chuyên khoa Xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm/Trưởng khoa Xét nghiệm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY Xét nghiệm YH	
120	Nghiêm Thị Thái Hòa	Bảng bác sĩ ngành y đa khoa (2014); Chứng chỉ xét nghiệm y học cơ bản (2022)	005857/BG-CCHN	23/11/2016	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Bác sỹ đa khoa làm việc tại khoa Xét nghiệm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	BS Y khoa, BS YHDP	

121	Đoàn Thị Bình	Bằng cử nhân (2021); Chứng chỉ ATSH cấp II(2020),Chứng chỉ kỹ thuật xét nghiệm vi sinh gây bệnh(2020).	000356/BG-CCHN	24/04/2023	KTV	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY xét nghiệm giúp việc tại khoa Xét nghiệm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY Xét nghiệm YH	
122	Chu Thị Hoa	Bằng cử nhân (2021); Chứng chỉ an toàn sinh học cấp II(2020)	001087/BG-CCHN	24/04/2023	KTV	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY trưởng khoa Xét nghiệm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY Xét nghiệm YH	
123	Trần Thị Lành	Bằng cử nhân (2015)	006823/BG-CCHN	07/05/2018	KTV	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY xét nghiệm giúp việc tại khoa Xét nghiệm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY Xét nghiệm YH	
124	Nguyễn Thị Huế	Bằng cử nhân (2021)	000354/BG-CCHN	24/04/2023	KTV	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY xét nghiệm giúp việc tại khoa Xét nghiệm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY Xét nghiệm YH	
125	Diễm Thị Quỳnh	Bằng cử nhân (2017)	007879/BG-CCHN	29/12/2020	KTV	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY xét nghiệm giúp việc tại khoa Xét nghiệm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY Xét nghiệm YH	
126	Trần Thị Hồng Mơ	Bằng cử nhân (2019)	007765/BG-CCHN	17/09/2020	KTV	Chuyên khoa Xét nghiệm	KTY xét nghiệm giúp việc tại khoa Xét nghiệm	Từ 06h30 - 16h30 từ Thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần (trực, làm việc ngoài giờ theo sự phân công của đơn vị và quy định của pháp luật)	KTY Xét nghiệm YH	
	Tổng số người thực hành tiếp nhận tối đa tại 1 thời điểm: 126x5=630									

PHỤ LỤC 3: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG THỰC HÀNH

TT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Yêu cầu về văn bằng chuyên môn	Tổng TGTH (tháng)	Thực hành chuyên môn HSCC		Thực hành chuyên môn KBCB tương ứng với PVHN (hệ chuyên môn, thời gian, địa điểm)		Thực hành nội dung khác (nếu có)
					TG (tháng)	Tại khoa, đơn vị	TG (tháng)	tại các khoa	
	1	2	3	4 = 5 + 7	5	6	7	8	
I	Bác sĩ								
1		Y khoa	- Văn bằng bs y khoa (hoặc văn bằng nước ngoài tương đương) - Cử nhân y khoa nước ngoài được công nhận trình độ đại học đã đào tạo bổ sung Bác sĩ y khoa theo quy định của BYT	12	3	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	9	Nội - Truyền nhiễm: 03 tháng Ngoại: 02 tháng Nhi: 02 tháng Phụ Sản: 02 tháng	
2		YHCT	- Văn bằng bs YHCT (hoặc Văn bằng nước ngoài tương đương). - VB cử nhân YHCT nước ngoài được Bộ GDĐT công nhận trình độ đại học + đào tạo bổ sung Bác sĩ YHCT theo quy định của BYT	12	3	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	9	Khoa YHCT và PHCN	
3		Răng hàm mặt	Văn bằng bs RHM (hoặc VB nước ngoài được công nhận tương đương). Cử nhân y khoa nước ngoài được công nhận trình độ đại học đã hoàn thành CT đào tạo bổ sung BS RHM	12	3	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	9	Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa (RHM-TMH-Mắt)	
4		Y học dự phòng	Văn bằng bs YHDP hoặc VB nước ngoài được công nhận tương đương	12	3	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	9	Nội - Truyền nhiễm: 03 tháng Ngoại: 02 tháng Nhi: 02 tháng Phụ Sản: 02 tháng	

5		Cấp mới, Cấp điều chỉnh (bổ sung, thay thế) chuyên khoa: Nội; Ngoại; Sản; Nhi; Phục hồi chức năng; Tai mũi họng; Mắt; Răng Hàm Mặt; Gây mê hồi sức; Chẩn đoán hình ảnh, Hồi sức cấp cứu	Có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nội, Ngoại, Sản, Nhi, TMH, RHM, Mắt, GMHS, CDHA, HSCC. Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.	12			12	12 tháng chuyên khoa tương ứng với văn bằng chuyên khoa được đào tạo (Nội, Ngoại, Sản, Nhi, TMH, RHM, Mắt, GMHS, CDHA, HSCC)	
			Đã có CCHN, có thêm chứng chỉ chuyên khoa cơ bản tương ứng (Nội, Ngoại, Sản, Nhi, PHCN, TMH, RHM, Mắt, GMHS, CDHA, HSCC) thời gian đào tạo tối thiểu 9 tháng trở lên	9			9	tối thiểu 9 tháng (đảm bảo tổng thời gian đào tạo CKCB và thực hành thêm đủ 18 tháng)	
II	Y sỹ								
6		Đa khoa	- Văn bằng Trung cấp y sỹ cấp trước 1/1/2027 (hoặc VB nước ngoài được công nhận tương đương) - VB cao đẳng y sỹ (hoặc VB nước ngoài được công nhận tương đương) - VB cử nhân y khoa nước ngoài được công nhận trình độ đại học.	9	3	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	6	Nội - Truyền nhiễm: 02 tháng Ngoại: 02 tháng Nhi: 02 tháng	
7		Y học cổ truyền	- Văn bằng Trung cấp YHCT (hoặc VB nước ngoài được công nhận tương đương) cấp trước 01/01/2027. - Văn bằng cao đẳng YHCT (hoặc VB nước ngoài được công nhận tương đương)	9	3	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	6	Khoa YHCT-PHCN	
III	Điều dưỡng								

8		Điều dưỡng	Văn bằng TC, CD, ĐH ngành Điều dưỡng (hoặc VB nước ngoài được công nhận tương đương)	6	1	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	5	Nội - Truyền nhiễm: 02 tháng Ngoại: 02 tháng Nhi: 01 tháng	
IV	Hộ sinh								
9		Hộ sinh	Văn bằng TC, CD, ĐH ngành Hộ sinh (hoặc VB nước ngoài được công nhận tương đương)	6	1	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	5	Khoa Phụ sản	
V	Kỹ thuật Y								
10		Xét nghiệm Y học	- Văn bằng Kỹ thuật XNYH trong nước (hoặc văn bằng đào tạo ở nước được công nhận tương đương) '- Văn bằng Cử nhân hóa học, sinh học, dược sĩ đại học kèm theo chứng nhận đào tạo kỹ thuật xét nghiệm y học tối thiểu 3 tháng hoặc văn bằng SDH về chuyên khoa Xét nghiệm	6	1	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	5	Khoa Xét nghiệm	
11		Hình ảnh Y học	Văn bằng Kỹ thuật HAYH trong nước, hoặc văn bằng đào tạo ở nước được công nhận tương đương	6	1	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	5	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
12		Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Văn bằng Cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, cử nhân vật lý trị liệu, cử nhân hoạt động trị liệu, văn bằng cử nhân ngôn ngữ trị liệu hoặc văn bằng nước ngoài được công nhận tương đương	6	1	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	5	Khoa YHCT-PHCN	
13		Khúc xạ nhãn khoa	Văn bằng Kỹ thuật Khúc xạ nhãn khoa trong nước, hoặc văn bằng đào tạo ở nước được công nhận tương đương	6	1	Khoa CC-HSTC-CD, BVĐK Việt Yên	5	Khoa Khám bệnh - LCK(RHM-TMH-Mắt)	

- *Quá trình thực hành KBCB có lồng ghép tập huấn các quy định pháp luật về KBCB, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề theo kế hoạch chung của đơn vị.*
- *Thời gian thực hành tại các chuyên khoa (cột 8) có thể có sự thay đổi phù hợp với thực tế. Tổng thời gian thực hành cột 5, cột 7 không thay đổi.*

**PHỤ LỤC 3.1: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ ĐỂ CẤP
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y KHOA**
(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

Bác sĩ Y khoa (người có văn bằng bác sĩ y khoa hoặc đa khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y khoa).

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

STT	Khoa	Thời gian (tháng)	Ghi chú
1	2	3	4
1	CC- HSTC-CD	03	Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục V- Thông tư 32/2023/TT-BYT
2	Nội – Truyền nhiễm	03	
3	Ngoại	02	
4	Nhi	02	
5	Phụ Sản	02	
Tổng thời gian thực hành		12	

Thời gian thực hành tại các chuyên khoa (cột 2) có thể có sự thay đổi phù hợp với thực tế. Tổng thời gian thực hành không thay đổi.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho bác sĩ y khoa tham gia thực hành đầy đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thái độ nghề nghiệp cần thiết trong khám bệnh, chữa bệnh; bảo đảm người thực hành đủ năng lực hành nghề y khoa theo phạm vi hành nghề được cấp phép, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản và cập nhật về chẩn đoán, điều trị, theo dõi và chăm sóc người bệnh thuộc các chuyên khoa: CC-HSTC-CD, Nội - Truyền nhiễm, Ngoại, Nhi, Phụ sản.

- Hiểu và vận dụng đúng các quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, hướng dẫn chẩn đoán theo quy định của Bộ Y tế.

- Nắm được các quy định pháp luật liên quan đến hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, an toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo khám bệnh, lập hồ sơ bệnh án, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh lý thường gặp và cấp cứu ban đầu theo phạm vi hành nghề.

- Thực hiện được một số kỹ thuật chuyên môn cơ bản thuộc phạm vi hành nghề y khoa theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị; an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị tràn khí màng phổi ở bệnh nhân thở máy
2	Chẩn đoán và điều trị ngưng thở ngưng tim
3	Chẩn đoán và điều trị co giật do sốt
4	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu não
6	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết não
7	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
8	Chẩn đoán và điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị suy hô hấp nặng do Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
10	Chẩn đoán và điều trị cơn hen phế quản nặng ở người lớn
11	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hoá trên
12	Chẩn đoán và xử trí cấp cứu đau bụng cấp
13	Chẩn đoán và điều trị ong đốt
14	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
15	Chẩn đoán và điều trị hạ kali máu
16	Chẩn đoán và điều trị sốc giảm thể tích máu
17	Chẩn đoán và điều trị sốc tim
18	Chẩn đoán và điều trị sốc nhiễm khuẩn
19	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp cấp cứu
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Ép tim ngoài lồng ngực
2	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
3	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
4	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
5	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
6	Chăm sóc ống nội khí quản

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
7	Chọc dò dịch màng phổi
8	Chọc hút khí màng phổi
9	Đặt ống nội khí quản
10	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
11	Thay canuyn mở khí quản
12	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
13	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
14	Thở oxy qua mặt nạ có túi
15	Rửa dạ dày cấp cứu
16	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc qua hệ thống kín
17	Thụt tháo
18	Thụt thuốc qua đường hậu môn
19	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
20	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
21	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
22	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
23	Đặt ống thông dạ dày
24	Băng bó vết thương
25	Cầm máu (vết thương chảy máu)
26	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
27	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
28	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
II	Khoa Nội – Truyền nhiễm
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh Tăng huyết áp
2	Bệnh Gout
3	Bệnh Viêm khớp dạng thấp
4	Chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp gối
5	Hạ Glucose máu
6	Tiêu chảy cấp
7	Viêm tụy cấp
8	Rối loạn lipid máu
9	Viêm bàng quang cấp
10	Viêm dạ dày cấp
11	Bệnh Đái tháo đường type 1,2
12	Tiền đái tháo đường
13	Hen phế quản
14	Loét dạ dày – tá tràng
15	Trào ngược dạ dày thực quản
16	Hội chứng mạch vành cấp
17	Viêm phế quản cấp
18	Viêm phổi cộng đồng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
19	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
20	Bệnh chân tay miệng
21	Cúm
22	Chốc
23	Sốt xuất huyết
24	Ghẻ
25	Covid-19
26	Sốt phát ban
27	Nhiễm trùng ở da và mô mềm
28	Lỵ trực khuẩn
29	Thủy đậu
30	Quai bị
31	Bệnh zona
32	Mày đay
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Bóp bóng qua mặt nạ
2	Chọc dò dịch màng phổi
3	Khí dung thuốc giãn phế quản
4	Chọc hút khí màng phổi
5	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
6	Đặt ống thông dạ dày

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
7	Đặt ống thông hậu môn
8	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
9	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
10	Bơm rửa khoang màng phổi
11	Rửa bàng quang
12	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
13	Chọc dò dịch não tủy
14	Hút đờm hầu họng
III	Khoa Ngoại
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chấn thương cột sống lưng, thắt lưng
2	Chấn thương cột sống và tủy sống cổ
3	Gãy các xương chi trên
4	Gãy các xương chi dưới
5	Gãy cổ xương đùi
6	Gãy xương đòn
7	Gãy xương và trật khớp vùng gối (Mâm chày, lồi cầu đùi)
8	Thoát vị đĩa đệm thắt lưng
9	Trật khớp chi trên trong chấn thương
10	Điều trị bỏng người lớn
11	Trật khớp vai tái hồi

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
12	Trật khớp háng
13	Vết thương phần mềm
14	Viêm ruột thừa
15	Trĩ
16	Thủng dạ dày, tá tràng
17	Lồng ruột
18	Rò hậu môn
19	Tắc ruột
20	Chấn thương bụng kín
21	Viêm tụy cấp
22	Viêm bàng quang
23	Chẩn đoán đa chấn thương
24	Chấn động não
25	Sỏi thận
26	Sỏi niệu quản
27	Sỏi bàng quang
28	Sỏi kết niệu đạo
29	U xơ tiền liệt tuyến
30	Hẹp bao quy đầu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Tán sỏi niệu quản (kiến tập)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
2	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản (kiến tập)
3	Dẫn lưu bàng quang
4	Thay băng, cắt chỉ
5	Khâu vết thương phần mềm
6	Cắt ruột thừa đơn thuần (kiến tập)
7	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên
8	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới
9	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động (kiến tập)
10	Phẫu thuật vết thương bàn tay
11	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp (kiến tập)
12	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
13	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
14	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay
15	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
16	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay
17	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay
18	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay
19	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay
20	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
21	Nắn, bó bột trật khớp gối
22	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
23	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân
24	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
25	Nắn, bó bột gãy xương chày
26	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
27	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
28	Nắn, bó bột trật khớp vai
29	Nắn, bó bột gãy xương đòn
30	Nẹp bột các loại, không nắn
IV	Khoa Nhi
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh thiếu máu ở trẻ em
2	Viêm tiểu phế quản cấp
3	Viêm phổi
4	Viêm thanh quản cấp
5	Tiêu chảy cấp
6	Co giật do sốt cao đơn thuần
7	Vàng da sơ sinh (Tăng bilir trong máu)
8	Táo bón
9	Bệnh thấp tim ở trẻ em
10	Mày đay dị ứng
11	Hen phế quản

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
12	Sốc phản vệ ở trẻ em
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)
2	Khí dung mũi họng
3	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
4	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
5	Thở oxy gọng kính
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
7	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày
8	Thụt tháo phân
9	Thông tiểu
10	Đặt ống nội khí quản
11	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)
12	Tiêm truyền thuốc
13	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
14	Thổi ngạt
V	Khoa Phụ sản
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Dọa sảy thai, sảy thai
2	Ôi vỡ non, ôi vỡ sớm
3	Rau tiền đạo

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Rau bong non
5	Chửa ngoài tử cung
6	Thai chết lưu trong tử cung
7	U xơ tử cung
8	U nang buồng trứng
9	Tiền sản giật – Sản giật
10	Viêm phần phụ
11	Áp xe vú
12	Viêm âm đạo
13	Rong kinh rong huyết
14	Tổn thương lạnh tính cổ tử cung
15	Chảy máu sau đẻ
16	Vỡ tử cung
17	Sa sinh dục
18	Chửa trứng
19	Suy thai trong tử cung
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
2	Soi ối
3	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
4	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	Cắt và khâu tầng sinh môn
6	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
7	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
8	Kiểm soát tử cung
9	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
10	Kỹ thuật bấm ối
11	Bóc rau nhân tạo
12	Khám thai
13	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
14	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
15	Bóc nang tuyến Bartholin
16	Khám phụ khoa
17	Làm thuốc âm đạo
18	Khám sơ sinh
19	Chăm sóc rốn sơ sinh
20	Cắt u vú lành tính
21	Mổ bóc nhân xơ vú

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của Bộ Y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.
- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.
- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.
- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

PHỤ LỤC 3.2: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN
(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026 của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Văn bằng chuyên môn bác sĩ y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y học cổ truyền;

1.2. Văn bằng cử nhân y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ y học cổ truyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho bác sĩ y học cổ truyền kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền theo phạm vi hành nghề được cấp giấy phép.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về lý luận y học cổ truyền, chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền.

- Hiểu và vận dụng kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám bệnh, chữa bệnh.

- Nắm được các quy định chuyên môn, pháp luật liên quan đến hành nghề khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được khám bệnh y học cổ truyền, tứ chẩn, chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị.

- Thực hiện làm hồ sơ bệnh án, theo dõi, đánh giá kết quả điều trị.

- Thực hiện được các kỹ thuật điều trị y học cổ truyền cơ bản theo phạm vi hành nghề như: châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, cứu, dùng thuốc y học cổ truyền và các kỹ thuật khác theo danh mục được phê duyệt.

- Tham gia xử trí ban đầu một số tình huống cấp cứu thường gặp theo hướng dẫn.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Các kiến thức cơ bản về y học cổ truyền; nguyên lý chẩn đoán và điều trị; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; an toàn người bệnh; kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh y học cổ truyền, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, chỉ định và thực hiện các phương pháp điều trị y học cổ truyền; theo dõi, đánh giá kết quả điều trị; thực hành giao tiếp với người bệnh và người nhà người bệnh; thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo danh mục kỹ thuật được phê duyệt, phù hợp phạm vi hành nghề y học cổ truyền theo quy định.

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị tràn khí màng phổi ở bệnh nhân thở máy
2	Chẩn đoán và điều trị ngưng thở ngưng tim
3	Chẩn đoán và điều trị co giật do sốt
4	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim
5	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu não

6	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết não
7	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
8	Chẩn đoán và điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị suy hô hấp nặng do Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
10	Chẩn đoán và điều trị cơn hen phế quản nặng ở người lớn
11	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hoá trên
12	Chẩn đoán và xử trí cấp cứu đau bụng cấp
13	Chẩn đoán và điều trị ong đốt
14	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
15	Chẩn đoán và điều trị hạ kali máu
16	Chẩn đoán và điều trị sốc giảm thể tích máu
17	Chẩn đoán và điều trị sốc tim
18	Chẩn đoán và điều trị sốc nhiễm khuẩn
19	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp cấp cứu
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Ép tim ngoài lồng ngực
2	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
3	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ
4	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
5	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
6	Chăm sóc ống nội khí quản
7	Rút ống nội khí quản
8	Rút canuyn khí quản

9	Thay canuyn mở khí quản
10	Vận động trị liệu hô hấp
11	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)
12	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
13	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
14	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
15	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
16	Thở oxy qua mặt nạ có túi
17	Rửa dạ dày cấp cứu
18	Thụt tháo
19	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
20	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
21	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
22	Đặt ống thông dạ dày
23	Băng bó vết thương
24	Cầm máu (vết thương chảy máu)
25	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
26	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
27	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
II	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Đau cột sống thắt lưng (Yêu thống)
2	Thoái hóa khớp gối (Hạc tất phong)
3	Gout (Thống phong)

4	Viêm khớp dạng thấp (Chứng tý)
5	Hội chứng cổ vai cánh tay (Chứng tý)
6	Bệnh dây thần kinh mặt (Khẩu nhãn oa tà)
7	Đau dây thần kinh liên sườn (Hiếp thống)
8	Đau thần kinh tọa (Yêu cước thống)
9	Di chứng nhồi máu não (Bán thân bất toại)
10	Bại não trẻ em (Ngũ trì)
11	Đau vùng cổ gáy (Lạc chẩm)
12	Rối loạn giấc ngủ (Thất miên)
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Điện châm
2	Điện mẫn châm
3	Điện nhĩ châm
4	Mai hoa châm
5	Hào châm
6	Thủy châm
7	Giác hơi
8	Mẫn châm
9	Cấy chỉ
10	Ôn châm
11	Cứu
12	Chích lễ
13	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
14	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT
15	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT
16	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT
17	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
18	Xoa bóp bấm huyệt điều trị
19	Cứu điều trị các bệnh lý
20	Bó thuốc
21	Chườm ngải

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.
- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.
- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.
- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh

viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.3: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ ĐỀ CẤP GIẤY
PHEP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC DỰ PHÒNG**
(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

Bác sỹ y học dự phòng (người có văn bằng bác sỹ y học dự phòng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ y học dự phòng).

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Lạng Giang, trong đó:

STT	Khoa	Thời gian (tháng)	Ghi chú
1	2	3	4
1	CC-HSTC-CD	03	Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục V- Thông tư 32/2023/TT-BYT
2	Nội – Truyền nhiễm	03	
3	Ngoại	02	
4	Nhi	02	
5	Phụ Sản	02	
Tổng thời gian thực hành		12	

Thời gian thực hành tại các chuyên khoa (cột 2) có thể có sự thay đổi phù hợp với thực tế. Tổng thời gian thực hành không thay đổi.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho bác sỹ y học dự phòng kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện các hoạt động chuyên môn theo phạm vi hành nghề y học dự phòng được cấp giấy phép.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

Nắm vững kiến thức chuyên môn cơ bản; các quy định về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn; các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực y học dự phòng.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được các hoạt động chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y học dự phòng theo phạm vi hành nghề; làm hồ sơ bệnh án, hồ sơ chuyên môn và thực hiện kỹ thuật theo quy định.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Quy định về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn; hướng dẫn chuyên môn liên quan đến y học dự phòng; đạo đức hành nghề; an toàn người bệnh; kiểm soát nhiễm khuẩn; kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong hoạt động chuyên môn.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, tham gia các hoạt động chuyên môn y học dự phòng; giám sát, phòng chống dịch bệnh; thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phạm vi hành nghề y học dự phòng và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, cụ thể:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị tràn khí màng phổi ở bệnh nhân thở máy
2	Chẩn đoán và điều trị ngưng thở ngưng tim
3	Chẩn đoán và điều trị co giật do sốt
4	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim
5	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu não
6	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết não

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
7	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
8	Chẩn đoán và điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị suy hô hấp nặng do Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
10	Chẩn đoán và điều trị cơn hen phế quản nặng ở người lớn
11	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hoá trên
12	Chẩn đoán và xử trí cấp cứu đau bụng cấp
13	Chẩn đoán và điều trị ong đốt
14	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
15	Chẩn đoán và điều trị hạ kali máu
16	Chẩn đoán và điều trị sốc giảm thể tích máu
17	Chẩn đoán và điều trị sốc tim
18	Chẩn đoán và điều trị sốc nhiễm khuẩn
19	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp cấp cứu
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Ép tim ngoài lồng ngực
2	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
3	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
4	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
5	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
6	Chăm sóc ống nội khí quản
7	Chọc dò dịch màng phổi

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
8	Chọc hút khí màng phổi
9	Đặt ống nội khí quản
10	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
11	Thay canuyn mở khí quản
12	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
13	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
14	Thở oxy qua mặt nạ có túi
15	Rửa dạ dày cấp cứu
16	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc qua hệ thống kín
17	Thụt tháo
18	Thụt thuốc qua đường hậu môn
19	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
20	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
21	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
22	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
23	Đặt ống thông dạ dày
24	Băng bó vết thương
25	Cầm máu (vết thương chảy máu)
26	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
27	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
28	Vận chuyển người bệnh cấp cứu

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
II	Khoa Nội – Truyền nhiễm
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh Tăng huyết áp
2	Bệnh Gout
3	Bệnh Viêm khớp dạng thấp
4	Chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp gối
5	Hạ Glucose máu
6	Tiêu chảy cấp
7	Viêm tụy cấp
8	Rối loạn lipid máu
9	Viêm bàng quang cấp
10	Viêm dạ dày cấp
11	Bệnh Đái tháo đường type 1,2
12	Tiền đái tháo đường
13	Hen phế quản
14	Loét dạ dày – tá tràng
15	Trào ngược dạ dày thực quản
16	Hội chứng mạch vành cấp
17	Viêm phế quản cấp
18	Viêm phổi cộng đồng
19	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
20	Bệnh chân tay miệng
21	Cúm
22	Chốc
23	Sốt xuất huyết
24	Ghẻ
25	Covid-19
26	Sốt phát ban
27	Nhiễm trùng ở da và mô mềm
28	Lỵ trực khuẩn
29	Thủy đậu
30	Quai bị
31	Bệnh zona
32	Mày đay
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Bóp bóng qua mặt nạ
2	Chọc dò dịch màng phổi
3	Khí dung thuốc giãn phế quản
4	Chọc hút khí màng phổi
5	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
6	Đặt ống thông dạ dày
7	Đặt ống thông hậu môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
8	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
9	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
10	Bơm rửa khoang màng phổi
11	Rửa bàng quang
12	Kỹ thuật vô rung dẫn lưu tư thế
13	Chọc dò dịch não tủy
14	Hút đờm hầu họng
III	Khoa Ngoại
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chấn thương cột sống lưng, thắt lưng
2	Chấn thương cột sống và tủy sống cổ
3	Gãy các xương chi trên
4	Gãy các xương chi dưới
5	Gãy cổ xương đùi
6	Gãy xương đòn
7	Gãy xương và trật khớp vùng gối (Mâm chày, lồi cầu đùi)
8	Thoát vị đĩa đệm thắt lưng
9	Trật khớp chi trên trong chấn thương
10	Điều trị bỏng người lớn
11	Trật khớp vai tái hồi
12	Trật khớp háng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
13	Vết thương phần mềm
14	Viêm ruột thừa
15	Trĩ
16	Thủng dạ dày, tá tràng
17	Lồng ruột
18	Rò hậu môn
19	Tắc ruột
20	Chấn thương bụng kín
21	Viêm tụy cấp
22	Viêm bàng quang
23	Chẩn đoán đa chấn thương
24	Chấn động não
25	Sỏi thận
26	Sỏi niệu quản
27	Sỏi bàng quang
28	Sỏi kết niệu đạo
29	U xơ tiền liệt tuyến
30	Hẹp bao quy đầu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Tán sỏi niệu quản (kiến tập)
2	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản (kiến tập)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
3	Dẫn lưu bàng quang
4	Thay băng, cắt chỉ
5	Khâu vết thương phần mềm
6	Cắt ruột thừa đơn thuần (kiến tập)
7	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên
8	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới
9	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động (kiến tập)
10	Phẫu thuật vết thương bàn tay
11	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp (kiến tập)
12	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
13	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
14	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay
15	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
16	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay
17	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay
18	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay
19	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay
20	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
21	Nắn, bó bột trật khớp gối
22	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân
23	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
24	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
25	Nắn, bó bột gãy xương chày
26	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
27	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
28	Nắn, bó bột trật khớp vai
29	Nắn, bó bột gãy xương đòn
30	Nẹp bột các loại, không nắn
IV	Khoa Nhi
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh thiếu máu ở trẻ em
2	Viêm tiểu phế quản cấp
3	Viêm phổi
4	Viêm thanh quản cấp
5	Tiêu chảy cấp
6	Có giật do sốt cao đơn thuần
7	Vàng da sơ sinh (Tăng bilir trong máu)
8	Táo bón
9	Bệnh thấp tim ở trẻ em
10	Mày đay dị ứng
11	Hen phế quản
12	Sốc phản vệ ở trẻ em

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)
2	Khí dung mũi họng
3	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
4	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
5	Thở oxy gọng kính
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
7	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày
8	Thụt tháo phân
9	Thông tiểu
10	Đặt ống nội khí quản
11	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)
12	Tiêm truyền thuốc
13	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
14	Thổi ngạt
V	Khoa Phụ sản
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Dọa sảy thai, sảy thai
2	Ối vỡ non, ối vỡ sớm
3	Rau tiền đạo
4	Rau bong non

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	Chửa ngoài tử cung
6	Thai chết lưu trong tử cung
7	U xơ tử cung
8	U nang buồng trứng
9	Tiền sản giật – Sản giật
10	Viêm phần phụ
11	Áp xe vú
12	Viêm âm đạo
13	Rong kinh rong huyết
14	Tổn thương lạnh tính cổ tử cung
15	Chảy máu sau đẻ
16	Vỡ tử cung
17	Sa sinh dục
18	Chửa trứng
19	Suy thai trong tử cung
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
2	Soi ối
3	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
4	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
5	Cắt và khâu tầng sinh môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
6	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
7	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
8	Kiểm soát tử cung
9	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
10	Kỹ thuật bấm ối
11	Bóc rau nhân tạo
12	Khám thai
13	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
14	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
15	Bóc nang tuyến Bartholin
16	Khám phụ khoa
17	Làm thuốc âm đạo
18	Khám sơ sinh
19	Chăm sóc rốn sơ sinh
20	Cắt u vú lành tính
21	Mổ bóc nhân xơ vú

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.

- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.

- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.

- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.

- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.

- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.

- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.4: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH BÁC SĨ ĐỂ CẤP
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ RĂNG HÀM MẶT**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Văn bằng bác sỹ răng hàm mặt, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ răng hàm mặt;

1.2. Văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ răng hàm mặt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

1.3. Bác sỹ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: Răng – Hàm - Mặt (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng)

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

2.1. Bác sỹ có văn bằng bác sỹ răng hàm mặt, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ răng hàm mặt; Văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ răng hàm mặt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt tại Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa (Mắt - Răng Hàm Mặt - Tai Mũi Họng).

2.2. Bác sỹ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: Răng – Hàm - Mặt

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt tại Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho bác sĩ răng hàm mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt theo phạm vi hành nghề được cấp giấy phép.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị các bệnh lý răng, hàm, mặt và vùng miệng thường gặp.
- Hiểu và áp dụng các quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị răng hàm mặt theo quy định của Bộ Y tế.
- Nắm được các quy định pháp luật liên quan đến hành nghề khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được khám bệnh răng hàm mặt, chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị.
- Thực hiện làm hồ sơ bệnh án răng hàm mặt (ngoại trú/nội trú), theo dõi và đánh giá kết quả điều trị.
- Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản theo phạm vi hành nghề như: nhổ răng thường, điều trị viêm nhiễm răng miệng, hàn – trám răng, xử trí cấp cứu răng hàm mặt ban đầu và các kỹ thuật khác theo danh mục được phê duyệt.
- Tham gia xử trí ban đầu một số tình huống cấp cứu liên quan đến răng hàm mặt.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.
- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về răng hàm mặt; nguyên tắc chẩn đoán và điều trị; an toàn người bệnh; kiểm soát nhiễm khuẩn; quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh răng hàm mặt, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, chỉ định và thực hiện các kỹ thuật điều trị răng hàm mặt; theo dõi, đánh giá kết quả điều trị; giao tiếp với người bệnh và người nhà người bệnh; thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo danh mục kỹ thuật được phê duyệt, phù hợp phạm vi hành nghề răng hàm mặt theo quy định, cụ thể:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị tràn khí màng phổi ở bệnh nhân thở máy
2	Chẩn đoán và điều trị ngưng thở ngưng tim
3	Chẩn đoán và điều trị co giật do sốt
4	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim
5	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu não
6	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết não
7	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
8	Chẩn đoán và điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị suy hô hấp nặng do Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
10	Chẩn đoán và điều trị cơn hen phế quản nặng ở người lớn
11	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hoá trên
12	Chẩn đoán và xử trí cấp cứu đau bụng cấp
13	Chẩn đoán và điều trị ong đốt
14	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
15	Chẩn đoán và điều trị hạ kali máu
16	Chẩn đoán và điều trị sốc giảm thể tích máu
17	Chẩn đoán và điều trị sốc tim
18	Chẩn đoán và điều trị sốc nhiễm khuẩn
19	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp cấp cứu
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Ép tim ngoài lồng ngực
2	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
3	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
4	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
5	Chăm sóc catheter tĩnh mạch

6	Chăm sóc ống nội khí quản
7	Chọc dò dịch màng phổi
8	Chọc hút khí màng phổi
9	Đặt ống nội khí quản
10	Chăm sóc bệnh nhân thở máy
11	Thay canuyn mở khí quản
12	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
13	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
14	Thở oxy qua mặt nạ có túi
15	Rửa dạ dày cấp cứu
16	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc qua hệ thống kín
17	Thụt tháo
18	Thụt thuốc qua đường hậu môn
19	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
20	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
21	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
22	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
23	Đặt ống thông dạ dày
24	Băng bó vết thương
25	Cầm máu (vết thương chảy máu)
26	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
27	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
28	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
II	Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa (Mắt - Răng Hàm Mặt - Tai Mũi Họng)
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Răng khôn mọc lệch
2	Răng sâu sữa
3	Viêm tủy răng sữa
4	Viêm lợi liên quan đến mảng bám răng

5	Viêm quanh răng tiến triển chậm
6	Viêm lợi loét hoại tử cấp tính
7	Bệnh sâu răng
8	Tổn thương mô cứng của răng do không sâu
9	Viêm tủy răng
10	Viêm quanh cuống răng
11	Nang thân răng
12	Áp xe vùng cơ cắn
13	Áp xe má
14	Viêm tuyến nước bọt mang tai do virus (Quai bị)
15	Viêm tuyến nước bọt mang tai mạn tính
16	Viêm tuyến nước bọt dưới hàm do sỏi
17	Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt
B	Dịch vụ kỹ thuật
	RĂNG
1	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
2	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng
3	Phẫu thuật nạo túi lợi
4	Điều trị áp xe quanh răng cấp
5	Điều trị áp xe quanh răng mạn
6	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
7	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
8	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
9	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
10	Điều trị tủy lại
11	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
12	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
13	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
14	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
15	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
16	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
17	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng

18	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng
19	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc
20	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
21	Phẫu thuật cắt cuống răng
22	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng
23	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
24	Phẫu thuật cắt phanh môi
25	Phẫu thuật cắt phanh má
26	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
27	Điều trị viêm quanh răng
28	Chích áp xe lợi
29	Lấy cao răng
30	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
31	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam
32	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
33	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
34	Phục hồi cổ răng bằng Composite
35	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
36	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
37	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
38	Nhổ răng vĩnh viễn
39	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
40	Nhổ chân răng vĩnh viễn
41	Nhổ răng thừa
42	Cắt lợi xơ cho răng mọc
43	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
44	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
45	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
46	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp
47	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
48	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
49	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
50	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement
51	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt

52	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
53	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục
54	Lấy tuỷ buồng răng sữa
55	Điều trị tuỷ răng sữa
56	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
57	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
58	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam
59	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
60	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
61	Nhổ răng sữa
62	Nhổ chân răng sữa
63	Chích Apxe lợi trẻ em
64	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
	HÀM-MẶT
1	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
2	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoá khí
3	Phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ
4	Phẫu thuật cắt đường rò môi dưới
5	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm
6	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên
7	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới
8	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt
9	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê
10	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức
11	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
12	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
13	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
14	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
15	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt
16	Nắn sai khớp thái dương hàm
17	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê
18	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
19	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.
- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.
- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.
- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.5: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH BÁC SĨ ĐỀ CẤP GIẤY
PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA NỘI**
(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: Nội khoa (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nội; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại Khoa Nội – Truyền nhiễm, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nội; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Khoa Nội – Truyền nhiễm, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho bác sĩ chuyên khoa nội tham gia thực hành đầy đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn và thái độ nghề nghiệp cần thiết trong khám bệnh, chữa bệnh; bảo đảm người thực hành đủ năng lực hành nghề nội khoa theo phạm vi hành nghề được cấp phép, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững nguyên tắc khám bệnh, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nội khoa thường gặp và một số bệnh lý nội khoa mạn tính.
- Hiểu và áp dụng đúng các phác đồ chẩn đoán, điều trị của Bộ Y tế và của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Nắm được các quy định về quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo khám bệnh, lập hồ sơ bệnh án, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh lý thường gặp và cấp cứu ban đầu theo phạm vi hành nghề.
- Thực hiện được một số kỹ thuật chuyên môn cơ bản thuộc phạm vi hành nghề chuyên khoa nội theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT.
- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.
- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị; an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	Khoa Nội – Truyền nhiễm
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh Tăng huyết áp
2	Bệnh Gout
3	Bệnh Viêm khớp dạng thấp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Thoái hóa khớp gối
5	Thoái hoá cột sống thắt lưng
6	Hội chứng đau thắt lưng
7	Đau thần kinh tọa
8	Thoái hoá cột sống cổ
9	Hội chứng cổ vai cánh tay
10	Ho kéo dài
11	Khó thở
12	Hạ Glucose máu
13	Hen phế quản
14	Tiêu chảy cấp
15	Viêm bàng quang cấp
16	Viêm đại tràng
17	Bệnh Đái tháo đường type 1,2
18	Đái tháo đường ở phụ nữ có thai
19	Trào ngược dạ dày thực quản
20	Loét dạ dày – tá tràng
21	Viêm tụy cấp
22	Viêm dạ dày cấp
23	Viêm phế quản cấp
24	Viêm phổi cộng đồng
25	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
26	Điều trị cơn kịch phát trên thất
27	Tiền Đái tháo đường
28	Rối loạn lipid máu
29	Hội chứng mạch vành cấp
30	Bướu giáp đơn thuần
31	Suy giáp
32	Viêm tuyến giáp
33	Rối loạn chức năng tiền đình
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
2	Chọc dò dịch màng phổi
3	Khí dung thuốc giãn phế quản

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Chọc khí màng phổi
5	Đặt sonde bàng quang
6	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
7	Đặt ống thông dạ dày
8	Đặt ống thông hậu môn
9	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
10	Thụt tháo phân
11	Rửa khoang màng phổi
12	Rửa bàng quang
13	Đo chức năng hô hấp
14	Theo dõi SpO2 liên tục tại giường
15	Chọc dò dịch não tủy
16	Hút đờm hầu họng

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.
- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.
- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.
- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.6: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH BÁC SĨ ĐỀ CẤP GIẤY
PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA NGOẠI**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: Ngoại khoa (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa ngoại; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: Ngoại khoa.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại khoa Ngoại – Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Ngoại; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại khoa Ngoại – Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Sau thời gian thực hành, học viên được củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp; có khả năng khám bệnh, chẩn đoán, chỉ định và tham gia điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo đúng phạm vi hành nghề, quy định chuyên môn và pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững nguyên tắc khám bệnh, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý ngoại khoa thường gặp.

- Hiểu và áp dụng đúng các phác đồ, quy trình kỹ thuật ngoại khoa theo hướng dẫn của Bộ Y tế và của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Nắm được các quy định về quy chế chuyên môn, chỉ định phẫu thuật, kiểm soát nhiễm khuẩn, an toàn phẫu thuật và an toàn người bệnh.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo khám bệnh, lập hồ sơ bệnh án, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị bệnh ngoại khoa và cấp cứu ban đầu theo phạm vi hành nghề.

- Thực hiện được một số kỹ thuật chuyên môn cơ bản thuộc phạm vi hành nghề chuyên khoa ngoại theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị; an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh, lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án; tham gia các hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo phân công; tham gia xử trí ban đầu các tình huống thường gặp; thực hiện các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với phạm vi hành nghề và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, bảo đảm tuân thủ quy chế chuyên môn, an toàn người bệnh và quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	Khoa Ngoại
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
	CHẤN THƯƠNG
1	Chấn thương cột sống lưng, thắt lưng
2	Chấn thương cột sống và tủy sống cổ
3	Gãy các xương vùng cổ chân
4	Gãy thân xương cánh tay
5	Gãy thân xương đùi
6	Gãy xương đòn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
7	Gãy xương và trật khớp vùng gối (Mâm chày, lồi cầu đùi)
8	Chấn thương và vết thương tim
9	Gãy cổ xương đùi
10	Gãy đầu dưới xương quay
11	Thoái hóa khớp gối
12	Thoát vị đĩa đệm thắt lưng
13	Chấn thương gối, trật khớp gối cũ, tổn thương nhiều dây chằng gối
14	Trật khớp chi trên trong chấn thương
15	Điều trị bỏng người lớn
16	Thoát vị đĩa đệm cổ
17	Trật khớp vai tái hồi
18	Trật khớp háng
19	Vết thương phần mềm
20	Vết thương thấu ngực
21	Trật khớp gối
22	Gãy khung chậu và ổ cối
	BỤNG, TIẾT NIỆU
23	Viêm ruột thừa
24	Trĩ
25	Thủng dạ dày, tá tràng
26	Lồng ruột
27	Rò hậu môn
28	Tắc ruột
29	Chấn thương bụng kín
30	Chấn thương gan
31	Chấn thương bụng: Vỡ lách
32	Chấn thương thận
33	Sỏi thận
34	Sỏi niệu quản
35	Sỏi bàng quang
36	Sỏi kết niệu đạo
37	U xơ tiền liệt tuyến
38	Hẹp bao quy đầu
B	Dịch vụ kỹ thuật

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	A. THẦN KINH - SỌ NÃO
	1. Sọ não
1	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp
	2. Phẫu thuật nhiễm trùng
2	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ
3	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ
	B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC
	1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực
4	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
	C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC
	1. Thận
5	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang
6	Dẫn lưu đài bể thận qua da
	2. Niệu quản
7	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần
8	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
9	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
10	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo
11	Nong niệu quản
11	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản
	3. Bàng quang
12	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar
13	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất
14	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang
15	Lấy sỏi bàng quang
16	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
17	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius
18	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
	4. Niệu đạo
19	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt
	5. Sinh dục
20	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ
21	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ
22	Nong niệu đạo

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
23	Cắt bỏ tinh hoàn
24	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn
25	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn
26	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài
27	Cắt hẹp bao quy đầu
28	Mở rộng lỗ sáo
	D. TIÊU HÓA
	2. Dạ dày
29	Mở bụng thăm dò
30	Mở bụng thăm dò, sinh thiết
31	Cắt lại dạ dày
32	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng
33	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày
	4. Ruột non- Mạc treo
34	Tháo xoắn ruột non
35	Tháo lồng ruột non
36	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
37	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng
	5. Ruột thừa- Đại tràng
38	Cắt ruột thừa đơn thuần
39	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
40	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe
41	Dẫn lưu áp xe ruột thừa
42	Các phẫu thuật ruột thừa khác
43	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng
44	Khâu lỗ thủng đại tràng
45	Cắt túi thừa đại tràng
46	Cắt đoạn đại tràng nối ngay
47	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
48	Làm hậu môn nhân tạo
	6. Trực tràng
49	Làm hậu môn nhân tạo
50	Lấy dị vật trực tràng
51	Cắt đoạn trực tràng nối ngay

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
52	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn
53	Đóng rò trực tràng – âm đạo
54	Đóng rò trực tràng – bàng quang
55	Các phẫu thuật trực tràng khác
	7. Tầng sinh môn
56	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ
57	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
58	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson)
59	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ
60	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
61	Phẫu thuật Longo
62	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ
63	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)
64	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản
65	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp
66	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản
67	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
68	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)
69	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)
70	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn
71	Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ
72	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản
73	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp
74	Các phẫu thuật hậu môn khác
	Đ. GAN - MẬT - TỤY
	2. Mật
75	Mở thông túi mật
76	Cắt túi mật
77	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
78	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
79	Mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật
80	Mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
84	Các phẫu thuật lấy sỏi mật khác

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC
	1. Thành bụng - cơ hoành
85	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
86	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
87	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
88	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein
89	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
90	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
91	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
92	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng
93	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
94	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn
	2. Phúc mạc
95	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
	G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH
	4. Vùng bàn tay
96	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn – ngón tay
97	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay
98	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay
99	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay
100	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)
	10. Gãy xương hở
101	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên
102	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới
	11. Tổn thương phần mềm
103	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động
104	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động
105	Phẫu thuật vết thương bàn tay
106	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi
107	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp
	12. Vùng cổ tay-bàn tay
108	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
109	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
110	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới
111	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
112	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi
113	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng
114	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới
115	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay
116	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
117	Thương tích bàn tay giản đơn
118	Phẫu thuật làm mồm cụt ngón và đốt bàn ngón
	13. Vùng cổ chân-bàn chân
119	Cụt chân thương cổ và bàn chân
120	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước
121	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I
122	Phẫu thuật tổn thương gân Achille
123	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên
124	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I
125	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau
	14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình
126	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
127	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
128	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè
129	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi
130	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille
131	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille tới muôn
132	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm
133	Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối
	16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác
134	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương
135	Phẫu thuật xơ cứng phức tạp
136	Phẫu thuật làm cứng khớp gối
137	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối
138	Phẫu thuật sửa mồm cụt chi
139	Phẫu thuật sửa mồm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)
140	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
141	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
142	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp
143	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)
144	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)
145	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm
146	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp
147	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi
148	Phẫu thuật viên tẩy bao hoạt dịch bàn tay
149	Phẫu thuật vết thương khớp
150	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương
	17. Nắn- Bó bột
151	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann
152	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng
153	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0
154	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X
155	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi
156	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi
157	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh
158	Bột Corset Minerve,Cravate
159	Nắn, bó bột gãy xương hàm
160	Nắn, bó bột cột sống
161	Nắn, bó bột trật khớp vai
162	Nắn, bó bột gãy xương đòn
163	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
164	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
165	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay
166	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
167	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay
168	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay
169	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV
170	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay
171	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay
172	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay
173	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
174	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles
175	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
176	Nắn, bó bột trật khớp háng
177	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng
178	Nắn, bó bột gãy mâm chày
179	Nắn, bó bột gãy xương chậu
180	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi
181	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật
182	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi
183	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè
184	Nắn, bó bột trật khớp gối
185	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân
186	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân
187	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
188	Nắn, bó bột gãy xương chày
189	Nắn, bó bột gãy xương gót
190	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
191	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn
192	Nắn, bó bột gãy Dupuytren
193	Nắn, bó bột gãy Monteggia
194	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân
195	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn
196	Nắn, cố định trật khớp hàm
197	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
198	Nẹp bột các loại, không nắn

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.
- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.
- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.
- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.7: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH BÁC SĨ ĐỂ CẤP GIẤY
PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA SẢN**
(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: Sản khoa (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Sản; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại khoa Phụ sản, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Sản; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng khoa Phụ sản, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực hiện khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản theo phạm vi hành nghề; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và theo dõi người bệnh trong lĩnh vực sản khoa.

- Hiểu và áp dụng các quy định về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện khám sản khoa, theo dõi thai kỳ và đánh giá tình trạng người bệnh. Lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án sản khoa theo đúng quy định. Tham gia theo dõi, xử trí ban đầu các tình huống thường gặp trong sản khoa theo phân công. Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với phạm vi hành nghề và danh mục kỹ thuật được phê duyệt.

- Thực hiện được một số kỹ thuật chuyên môn cơ bản thuộc phạm vi hành nghề chuyên khoa theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị; an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh, lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án; tham gia các hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo phân công; tham gia xử trí ban đầu các tình huống thường gặp; thực hiện các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với phạm vi hành nghề và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, bảo đảm tuân thủ quy chế chuyên môn, an toàn người bệnh và quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	Khoa Phụ sản- CSSKSS
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Dọa sảy thai, sảy thai
2	Ối vỡ non, ối vỡ sớm
3	Rau tiền đạo
4	Rau bong non
5	Chửa ngoài tử cung
6	Thai chết lưu trong tử cung
7	U xơ tử cung
8	U nang buồng trứng
9	Tiền sản giật – Sản giật

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
10	Viêm phần phụ
11	Áp xe vú
12	Viêm âm đạo
13	Rong kinh rong huyết
14	Tổn thương lạnh tính cổ tử cung
15	Chảy máu sau đẻ
16	Vỡ tử cung
17	Sa sinh dục
18	Chửa trứng
19	Suy thai trong tử cung
B	Dịch vụ kỹ thuật
	A. SẢN KHOA
1	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên
2	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp
3	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)
4	Phẫu thuật lấy thai lần đầu
5	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)
6	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp
7	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa
8	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa
9	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa
10	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung
11	Khâu tử cung do nạo thủng
12	Gây chuyển dạ bằng thuốc
13	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
14	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch
15	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
16	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)
17	Nội xoay thai
18	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên
19	Forceps

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
20	Giác hút
21	Soi ối
22	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
23	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)
24	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn
25	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
26	Cắt và khâu tầng sinh môn
27	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
28	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
29	Kiểm soát tử cung
30	Bóc rau nhân tạo
31	Kỹ thuật bấm ối
32	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
33	Khám thai
34	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
35	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
36	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại
37	Khâu vòng cổ tử cung
38	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
39	Chích áp xe tầng sinh môn
	B. PHỤ KHOA
40	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
41	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn
42	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần
43	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
44	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn
45	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối
46	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần
47	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung
48	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
49	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
50	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
51	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
52	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung
53	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai
54	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn
55	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung
56	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ
57	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung
58	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung
59	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
60	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ
61	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ
62	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng
63	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng
64	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
65	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)
66	Phẫu thuật Crossen
67	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ
68	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp
69	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng
70	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục
71	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)
72	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa
73	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa
74	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung
75	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa
76	Khoét chóp cổ tử cung
77	Cắt cụt cổ tử cung
78	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung
79	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo
80	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...
81	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
82	Cắt u thành âm đạo
83	Lấy dị vật âm đạo
84	Khâu rách cùng đồ âm đạo
85	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn
86	Chích áp xe tuyến Bartholin
87	Bóc nang tuyến Bartholin
88	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh
89	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính
90	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
91	Nạo hút thai trứng
92	Dẫn lưu cùng đồ Douglas
93	Chọc dò túi cùng Douglas
94	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ
95	Chọc dẫn lưu dịch cổ tử cung trong ung thư buồng trứng
96	Chích áp xe vú
97	Khám phụ khoa
98	Soi cổ tử cung
99	Làm thuốc âm đạo
100	Cắt u vú lành tính
101	Bóc nhân xơ vú
102	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần
	C. SƠ SINH
103	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh
104	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy
105	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)
106	Chọc dò tủy sống sơ sinh
107	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn
108	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
109	Rửa dạ dày sơ sinh
110	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh
111	Khám sơ sinh
112	Chăm sóc rốn sơ sinh
113	Tắm sơ sinh

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
114	Đặt sonde hậu môn sơ sinh
115	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
116	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh
117	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
	D. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
118	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng
119	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ
120	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ
121	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ
122	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)
123	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)
124	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
	D. PHÁ THAI
125	Phá thai bệnh lý (bệnh lý mẹ, bệnh lý thai)
126	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ
127	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không
128	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
129	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ
130	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.

- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.
- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.

- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.8: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH BÁC SĨ ĐỂ CẤP GIẤY
PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA NHI**
(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản: Nhi khoa (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nhi; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (thời gian đào tạo tối thiểu 9 tháng).

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại khoa Nhi, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Nhi; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Khoa Nhi, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực hiện khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi theo phạm vi hành nghề; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và theo dõi các bệnh thường gặp ở trẻ em

- Hiểu và áp dụng các quy định về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện khám nhi khoa, đánh giá tình trạng sức khỏe và theo dõi diễn biến bệnh của trẻ. Lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án nhi khoa theo đúng quy định. Tham gia theo dõi và xử trí ban đầu các tình huống thường gặp trong nhi khoa theo phân công.

- Thực hiện được một số kỹ thuật chuyên môn cơ bản thuộc phạm vi hành nghề chuyên khoa theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị; an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh, lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án; tham gia các hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo phân công; tham gia xử trí ban đầu các tình huống thường gặp; thực hiện các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với phạm vi hành nghề và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, bảo đảm tuân thủ quy chế chuyên môn, an toàn người bệnh và quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	Khoa Nhi
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh thiếu máu ở trẻ em
2	Viêm tiểu phế quản cấp
3	Viêm phổi
4	Viêm thanh quản cấp
5	Tiêu chảy cấp
6	Co giật do sốt cao đơn thuần

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
7	Vàng da sơ sinh (Tăng bilir trong máu)
8	Táo bón
9	Bệnh thấp tim ở trẻ em
10	Mày đay dị ứng
11	Hen phế quản
12	Sốc phản vệ ở trẻ em
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Đặt ống nội khí quản
2	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)
3	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter
4	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường
5	Khí dung mũi họng
6	Thổi ngạt
7	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
8	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
9	Thở oxy gọng kính
10	Thở oxy qua mặt nạ
11	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
12	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày
13	Đặt sonde hậu môn
14	Thụt tháo phân
15	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường
16	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở
17	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp
18	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
19	Thở máy bằng xâm nhập
20	Ép tim ngoài lồng ngực
21	Cầm máu (vết thương chảy máu)
22	Tiêm tĩnh mạch
23	Truyền tĩnh mạch
24	Thở Oxy qua ống chữ T (T-tube)

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.

- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.

- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.

- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.

- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.

- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.

- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.

- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.9: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ
ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ
CHUYÊN KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản về Phục hồi chức năng (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực hiện khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng theo phạm vi hành nghề; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về khám bệnh, đánh giá chức năng, chỉ định và theo dõi điều trị phục hồi chức năng.

- Hiểu và áp dụng các quy định về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện khám, đánh giá chức năng vận động và chức năng sinh hoạt của người bệnh. Lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án chuyên khoa Phục hồi chức năng theo quy định. Tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch điều trị, theo dõi tiến triển và hiệu quả phục hồi chức năng cho người bệnh.

- Thực hiện được một số kỹ thuật chuyên môn cơ bản thuộc phạm vi hành nghề chuyên khoa theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị; an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh, lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án; tham gia các hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo phân công; tham gia xử trí ban đầu các tình huống thường gặp; thực hiện các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với phạm vi hành nghề và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, bảo đảm tuân thủ quy chế chuyên môn, an toàn người bệnh và quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	PHCN Cứng khớp sau gãy 2 xương cẳng chân
2	PHCN gãy thân xương cánh tay
3	PHCN gãy thân 2 xương cẳng tay
4	PHCN gãy thân xương đùi
5	PHCN Chấn thương sọ não
6	PHCN Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo trước khớp gối
7	PHCN Tổn thương tủy sống cổ
8	PHCN Tổn thương tủy sống lưng- thắt lưng
9	PHCN sau phẫu thuật thay khớp háng
10	PHCN Sau phẫu thuật thay khớp gối
11	PHCN gãy xương đòn
12	PHCN sau phẫu thuật chóp xoay khớp vai
13	PHCN trẻ tự kỉ
14	PHCN tổn thương dây thần kinh quay
15	PHCN tổn thương dây thần kinh giữa
16	PHCN tổn thương dây thần kinh trụ
17	PHCN xơ hóa cơ ức đòn chũm

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
18	PHCN Viêm quanh khớp vai
19	PHCN Vẹo cổ cấp
20	PHCN Loãng xương
21	PHCN Thoát vị đĩa đệm cổ
22	PHCN Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
23	PHCN Thoái hóa cột sống cổ
24	PHCN Thoát vị đĩa đệm cột sống cổ
25	PHCN Đau thắt lưng
26	PHCN Đau dây thần kinh toạ
27	PHCN Gãy mỏm khuỷu
28	PHCN Liệt nửa người do tai biến mạch máu não
29	PHCN liệt dây VII ngoại biên
30	PHCN Thoái hóa cột sống thắt lưng- cùng
B	Dịch vụ kỹ thuật
	VẬT LÝ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
1	Điều trị bằng sóng ngắn
2	Điều trị bằng từ trường
3	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
4	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc
5	Điều trị bằng siêu âm
6	Điều trị bằng sóng xung kích
7	Điều trị bằng dòng giao thoa
8	Điều trị bằng tia hồng ngoại
9	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch
10	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ
11	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
12	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
13	Điều trị bằng Parafin
14	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống
	VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU
15	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người
16	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
17	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
18	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
19	Tập lăn trở khi nằm

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
20	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
21	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
22	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
23	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
24	Tập dáng đi
25	Tập đi với thanh song song
26	Tập đi với khung tập đi
27	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
28	Tập đi với gậy
29	Tập đi với bàn xương cá
30	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)
31	Tập lên, xuống cầu thang
32	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gỗ ghềnh...)
33	Tập đi với chân giả trên gối
34	Tập đi với chân giả dưới gối
35	Tập đi với khung treo
36	Tập vận động thụ động
37	Tập vận động có trợ giúp
38	Tập vận động chủ động
39	Tập vận động tự do tứ chi
40	Tập vận động có kháng trở
41	Tập kéo dẫn
42	Tập vận động trên bóng
43	Tập trong bồn bóng nhỏ
44	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên
45	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới
46	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng
47	Tập với thang tường
48	Tập với giàn treo các chi
49	Tập với ròng rọc
50	Tập với dụng cụ quay khớp vai
51	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi
52	Tập với xe đạp tập
53	Tập các kiểu thở
54	Tập ho có trợ giúp
55	Tập điều hợp vận động

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
56	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)
	HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU
57	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
58	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
59	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn
60	Tập các vận động thô của bàn tay
61	Tập các vận động khéo léo của bàn tay
62	Tập phối hợp hai tay
63	Tập phối hợp tay miệng
64	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
65	Tập điều hòa cảm giác
66	Tập tri giác và nhận thức
	NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)
67	Tập nuốt
68	Tập nói
69	Tập nhai
70	Tập phát âm
71	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)
72	Tập cho người thất ngôn
73	Tập luyện giọng
74	Tập sửa lỗi phát âm
	KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)
75	Lượng giá chức năng người khuyết tật
76	Lượng giá chức năng tim mạch
77	Lượng giá chức năng hô hấp
78	Lượng giá chức năng tâm lý
79	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức
80	Lượng giá chức năng ngôn ngữ
81	Lượng giá chức năng dáng đi
82	Lượng giá chức năng thăng bằng
83	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày
84	Thử cơ bằng tay
85	Đo tầm vận động khớp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
86	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi
87	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống
88	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống
89	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti
90	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (trong liệt tứ chi)
91	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi trên
92	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi dưới
93	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu
94	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu
95	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)
96	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng
97	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối
98	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối
99	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)
100	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)
101	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO
102	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO
103	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO
104	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO
105	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO
106	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong
107	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng
108	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.

- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.

- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.

- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.

- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.

- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.

- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.10: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SĨ ĐỂ CẤP GIẤY
PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐA KHOA**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

- Văn bằng trung cấp y sỹ, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp y sỹ. Các văn bằng này phải được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2027;

- Văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa;

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc.

- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại các khoa lâm sàng trong đó:

+ 02 tháng tại khoa Nội

+ 02 tháng tại khoa Nhi

+ 02 tháng tại khoa Ngoại

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực hiện các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh ban đầu theo phạm vi hành nghề y sỹ đa khoa; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về khám bệnh, chẩn đoán và xử trí ban đầu một số bệnh thường gặp tại tuyến cơ sở.

- Nắm được nguyên tắc theo dõi, chăm sóc người bệnh và chuyển tuyến khi vượt quá phạm vi chuyên môn.

- Hiểu và vận dụng đúng các quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, hướng dẫn chẩn đoán theo quy định của Bộ Y tế.

- Nắm được các quy định pháp luật liên quan đến hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, an toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện khai thác bệnh sử, khám lâm sàng và đánh giá tình trạng sức khỏe người bệnh. Lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án theo đúng quy định. Thực hiện chăm sóc, theo dõi và hỗ trợ điều trị người bệnh theo y lệnh của bác sĩ. Tham gia xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu thường gặp theo hướng dẫn chuyên môn.

- Thực hiện được một số kỹ thuật chuyên môn cơ bản thuộc phạm vi hành nghề y sĩ đa khoa theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị; an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh ban đầu, lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án; tham gia chăm sóc, theo dõi người bệnh theo phân công; hỗ trợ thực hiện các hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; tham gia xử trí ban đầu các tình huống thường gặp; thực hiện các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với phạm vi hành nghề y sĩ đa khoa và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, bảo đảm tuân thủ quy chế chuyên môn và an toàn người bệnh, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực – Chống độc
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh tăng huyết áp cấp cứu
9	Chẩn đoán và điều trị cơn đau thắt ngực
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Vận hành máy Monitor
2	Điện tim thường
3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
4	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
5	Xử trí hạ huyết áp tư thế
6	Cấp cứu cao huyết áp
7	Cấp cứu ngừng tim
8	Cấp cứu tụt huyết áp
9	Ép tim ngoài lồng ngực
10	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
11	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
12	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
13	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
14	Chăm sóc lỗ mở khí quản
15	Chăm sóc ống nội khí quản
16	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
17	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
18	Khí dung thuốc giãn phế quản
19	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
20	Sơ cứu bóng đường hô hấp
21	Thay canuyn mở khí quản
22	Cấp cứu ngừng thở
23	Thở oxy qua gọng kính
24	Thở oxy qua mặt nạ
25	Thở oxy qua mặt nạ có túi
26	Thổi ngạt

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
27	Cho ăn qua ống thông dạ dày
28	Đặt ống thông dạ dày
29	Đặt ống thông hậu môn
30	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
31	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
32	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Nội
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh Basedow
2	Bệnh Goute
3	Bệnh Viêm khớp dạng thấp
4	Chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp gối
5	Cấp cứu hạ đường huyết
6	Hen phế quản cấp
7	Điều trị COPD
8	Tăng huyết áp
9	Viêm phế quản
10	Viêm bàng quang cấp
11	Viêm phổi
12	Bệnh thận đái tháo đường
13	Trào ngược thực quản
14	Viêm dạ dày
15	Chóng mặt kịch phát lành tính
16	Xuất huyết tiêu hóa cao do loét dạ dày
17	Đau thắt ngực không ổn định
18	Đau thắt ngực ổn định
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
2	Khí dung thuốc giãn phế quản
3	Điện tim thường
4	Đặt sonde bàng quang
5	Rửa bàng quang
6	Đặt ống thông dạ dày
7	Đặt ống thông hậu môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
8	Rửa dạ dày cấp cứu
9	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
10	Thụt tháo phân
III	Khoa Ngoại
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chấn thương cột sống lưng, thắt lưng
2	Chấn thương cột sống và tủy sống cổ
3	Gãy các xương chi trên
4	Gãy các xương chi dưới
5	Gãy cổ xương đùi
6	Gãy xương đòn
7	Gãy xương và trật khớp vùng gối (Mâm chày, lồi cầu đùi)
8	Thoát vị đĩa đệm thắt lưng
9	Trật khớp chi trên trong chấn thương
10	Điều trị bỏng người lớn
11	Trật khớp vai tái hồi
12	Trật khớp háng
13	Vết thương phần mềm
14	Viêm ruột thừa
15	Trĩ
16	Thủng dạ dày, tá tràng
17	Lông ruột
18	Rò hậu môn
19	Tắc ruột
20	Chấn thương bụng kín
21	Viêm tụy cấp
22	Viêm bàng quang
23	Chẩn đoán đa chấn thương
24	Chấn động não
25	Sỏi thận
26	Sỏi niệu quản
27	Sỏi bàng quang
28	Sỏi kết niệu đạo
29	U xơ tiền liệt tuyến

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
30	Hẹp bao quy đầu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Chăm sóc ống thông bàng quang
2	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
3	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
4	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
5	Thông tiểu
6	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
7	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu
8	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu
9	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
10	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
11	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
12	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
13	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
14	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
15	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
16	Chích áp xe phần mềm lớn
17	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
18	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
19	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
20	Thay băng vô khuẩn
21	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu cổ
22	Cắt chỉ sau phẫu thuật
23	Thay băng vết nhỏ
24	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
25	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
26	Cắt chỉ khâu da
IV	Khoa Nhi
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Hội chứng thiếu máu
2	Suy hô hấp cấp
3	Viêm tiểu phế quản cấp
4	Viêm phổi

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	Viêm thanh quản cấp
6	Tiêu chảy cấp
7	Xử trí co giật
8	Bệnh chân tay miệng
9	Cúm
10	Vàng da sơ sinh (Tăng bilir trong máu)
11	Viêm ruột hoại tử trẻ sơ sinh
12	Rối loạn điện giải
13	Nhiễm khuẩn tiết niệu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Khí dung thuốc cấp cứu
2	Thở ngạt
3	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
4	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
5	Thở oxy gọng kính
6	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi
7	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
8	Đặt ống thông dạ dày
9	Rửa dạ dày cấp cứu
10	Cho ăn qua ống thông dạ dày
11	Đặt sonde hậu môn
12	Thụt tháo phân
13	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
14	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
15	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
16	Truyền máu và các chế phẩm máu
17	Vận chuyển người bệnh an toàn
18	Định nhóm máu tại giường
19	Tiêm truyền thuốc

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.

- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.

- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.

- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.

- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.

- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.

- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.11: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SĨ ĐỂ CẤP GIẤY
PHEP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

- Văn bằng trung cấp y sỹ y học cổ truyền hoặc trung cấp y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp y sỹ y học cổ truyền. Các văn bằng này phải được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2027;

- Văn bằng cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực-Chống độc.

- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền theo đúng phạm vi hành nghề của y sỹ; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về y học cổ truyền: lý luận âm dương, ngũ hành, tạng phủ, kinh lạc. Hiểu nguyên tắc khám bệnh y học cổ truyền (vọng – vấn – vấn – thiết) và định hướng chẩn đoán theo y học cổ truyền.
- Nắm được các phương pháp điều trị không dùng thuốc và dùng thuốc y học cổ truyền trong phạm vi chuyên môn.
- Hiểu và vận dụng đúng các quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, hướng dẫn chẩn đoán theo quy định của Bộ Y tế.
- Nắm được các quy định pháp luật liên quan đến hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, an toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện khai thác bệnh sử và khám bệnh theo phương pháp y học cổ truyền. Tham gia lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án y học cổ truyền theo quy định. Thực hiện và hỗ trợ thực hiện các phương pháp điều trị y học cổ truyền phù hợp với phạm vi hành nghề như: châm cứu, xoa bóp – bấm huyệt, giác hơi, cứu, thủy châm (khi được phân công). Theo dõi, chăm sóc người bệnh và báo cáo kịp thời các diễn biến bất thường.
- Tham gia xử trí ban đầu một số tình huống thường gặp theo hướng dẫn chuyên môn và chuyển tuyến khi vượt quá khả năng chuyên môn.
- Thực hiện được một số kỹ thuật chuyên môn cơ bản thuộc phạm vi hành nghề Y sĩ Y học cổ truyền theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT.
- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.
- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị; an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh y học cổ truyền; tham gia điều trị bằng các phương pháp y học cổ truyền phù hợp với phạm vi hành nghề; chăm sóc, theo dõi người bệnh; thực hiện các kỹ thuật chuyên môn được phân công; tuân thủ quy trình kỹ thuật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị tràn khí màng phổi ở bệnh nhân thở máy
2	Chẩn đoán và điều trị ngưng thở ngưng tim
3	Chẩn đoán và điều trị co giật do sốt
4	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim
5	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu não
6	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết não
7	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
8	Chẩn đoán và điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị suy hô hấp nặng do Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
10	Chẩn đoán và điều trị cơn hen phế quản nặng ở người lớn
11	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hoá trên
12	Chẩn đoán và xử trí cấp cứu đau bụng cấp
13	Chẩn đoán và điều trị ong đốt
14	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
15	Chẩn đoán và điều trị hạ kali máu
16	Chẩn đoán và điều trị sốc giảm thể tích máu
17	Chẩn đoán và điều trị sốc tim
18	Chẩn đoán và điều trị sốc nhiễm khuẩn
19	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp cấp cứu
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Ép tim ngoài lồng ngực
2	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
3	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường
4	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
5	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
6	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
7	Thở oxy qua mặt nạ có túi
8	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
9	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
10	Vận động trị liệu hô hấp
11	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ
12	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
13	Đặt ống thông dạ dày
14	Rửa dạ dày cấp cứu
15	Thụt tháo
16	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
17	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
18	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
19	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
20	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
21	Băng bó vết thương
22	Cầm máu (vết thương chảy máu)
23	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
24	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
25	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
II	Khoa Y cổ truyền - Phục hồi chức năng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Đau cột sống thắt lưng (Yêu thống)
2	Thoái hóa khớp gối (Hạc tất phong)
3	Gout (Thống phong)
4	Viêm khớp dạng thấp (Chứng tý)
5	Hội chứng cổ vai cánh tay (Chứng tý)
6	Bệnh dây thần kinh mặt (Khẩu nhãn oa tà)
7	Đau dây thần kinh liên sườn (Hiếp thống)
8	Đau thần kinh tọa (Yêu cước thống)
9	Di chứng nhồi máu não (Bán thân bất toại)
10	Bại não trẻ em (Ngũ trì)
11	Đau vùng cổ gáy (Lạc châm)
12	Rối loạn giấc ngủ (Thất miên)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Điện châm
2	Điện nhĩ châm
3	Mai hoa châm
4	Hào châm
5	Giác hơi
6	Ôn châm
7	Cứu
8	Chích lễ
9	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
10	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
11	Xoa bóp bấm huyệt điều trị
12	Cứu điều trị các bệnh lý
13	Bó thuốc
14	Chườm ngải
15	Xông hơi thuốc

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.

- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.
- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.

- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.12: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH ĐIỀU DƯỠNG ĐỂ CẤP
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Văn bằng trung cấp điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp điều dưỡng;

1.2. Văn bằng cao đẳng điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng điều dưỡng;

1.3. Văn bằng cử nhân điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân điều dưỡng.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc.

- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, trong đó:

+ 02 tháng tại khoa Nội

+ 02 tháng tại khoa Ngoại

+ 01 tháng tại khoa Nhi

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện công tác điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh theo đúng phạm vi hành nghề; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; vai trò, chức năng và phạm vi hành nghề của điều dưỡng.
- Hiểu các quy trình điều dưỡng cơ bản, quy chế chuyên môn, kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.
- Hiểu nguyên tắc chăm sóc, theo dõi và đánh giá người bệnh tại các khoa lâm sàng

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện tiếp nhận, theo dõi, chăm sóc và quản lý người bệnh theo y lệnh của bác sĩ.
- Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa theo quy định và phân công của khoa/phòng.
- Tham gia sơ cứu, cấp cứu ban đầu và chăm sóc người bệnh trong tình trạng khẩn cấp.
- Thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ chăm sóc điều dưỡng đầy đủ, chính xác.
- Thực hiện công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.
- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế. Có tinh thần trách nhiệm, trung thực, tận tâm trong chăm sóc người bệnh.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.
- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về điều dưỡng; quy trình chăm sóc điều dưỡng; an toàn người bệnh; kiểm soát nhiễm khuẩn; đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật liên quan đến hành nghề điều dưỡng.
- Nội dung về thực hành: Thực hành chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng; thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo quy định; tham gia cấp cứu ban đầu; theo dõi, đánh giá tình trạng người bệnh; phối hợp với bác sĩ và các thành viên trong nhóm chăm sóc, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
1	Đón tiếp người bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.
2	Cập nhật các quy trình, kỹ thuật tiêm truyền, lấy máu và bệnh phẩm làm xét nghiệm

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
3	Phản vệ và cấp cứu ngừng tuần hoàn
4	Phụ giúp bác sỹ làm thủ thuật
5	An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn
6	Kiến thức về điều dưỡng và chăm sóc người bệnh
7	Quản lý chăm sóc người bệnh
8	Quản lý thực hiện thuốc cho người bệnh
9	Sơ cứu cấp cứu
10	Sử dụng thành thạo các loại máy: Monitor, bơm tiêm điện, máy truyền dịch, máy đo đường máu mao mạch
11	Truyền thông, giáo dục sức khỏe
II	Các khoa lâm sàng khác
1	Quy trình kỹ thuật tiêm dưới da
2	Quy trình kỹ thuật tiêm trong da
3	Quy trình kỹ thuật tiêm bắp
4	Quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch
5	Quy trình kỹ thuật Truyền dịch
6	Quy trình kỹ thuật lấy máu làm xét nghiệm
7	Quy trình kỹ thuật truyền máu
8	Quy trình kỹ thuật cho người bệnh thở oxy
9	Quy trình kỹ thuật đặt ống thông dạ dày
10	Quy trình kỹ thuật đặt ống thông bàng quang
11	Quy trình kỹ thuật thông tiểu Nam – Nữ
12	Quy trình kỹ thuật thay băng vết mổ
13	Quy trình kỹ thuật cắt chỉ
14	Quy trình kỹ thuật hút đờm qua ống NKQ, mở KQ, bệnh nhân thở máy
15	Quy trình kỹ thuật chăm sóc ống nội khí quản
16	Quy trình kỹ thuật chăm sóc Canuyn mở khí quản
17	Quy trình kỹ thuật tiêm Insulin *
18	Quy trình kỹ thuật ghi điện tim
19	Quy trình kỹ thuật đo đường máu mao mạch
20	Quy trình kỹ thuật thay băng bóng
21	Quy trình kỹ thuật rửa bàng quang
22	Quy trình kỹ thuật cho bệnh nhân ăn qua sonde

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
23	Quy trình kỹ thuật rửa dạ dày cấp cứu
24	Quy trình kỹ thuật cấp cứu cao huyết áp
25	Quy trình kỹ thuật cấp cứu ngừng tim
26	Quy trình kỹ thuật cắt lọc tổ chức hoại tử, cắt lọc vết thương
27	Quy trình kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp +
28	Quy trình kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản +
29	Quy trình kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao*
30	Quy trình kỹ thuật cấp cứu ngừng thở +
31	Quy trình kỹ thuật cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn*
32	Quy trình kỹ thuật chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng vô trùng*
33	Quy trình kỹ thuật chăm sóc catheter cố định +
34	Quy trình kỹ thuật chăm sóc lỗ mở khí quản +
35	Quy trình kỹ thuật chăm sóc ống nội khí quản +
36	Quy trình kỹ thuật chăm sóc ống thông bàng quang
37	Quy trình kỹ thuật cho ăn qua ống thông dạ dày +
38	Quy trình kỹ thuật chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật +
39	Quy trình kỹ thuật định nhóm máu hệ AB) bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu. +
40	Quy trình kỹ thuật định nhóm máu hệ AB) bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương tươi. +
41	Quy trình kỹ thuật đo lượng nước tiểu 24 giờ
42	Quy trình kỹ thuật đo thân nhiệt bằng nhiệt kế
43	Quy trình kỹ thuật ghi điện tim cấp cứu tại giường
44	Quy trình kỹ thuật hút dịch dạ dày
45	Hút đờm hầu họng
46	Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển bằng xe lăn
47	Kỹ thuật chăm sóc dẫn lưu
48	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc
49	Kỹ thuật đo áp lực tĩnh mạch trung tâm bằng cột nước *
50	Kỹ thuật đo chiều cao, cân nặng
51	Kỹ thuật garo cầm máu +
52	Kỹ thuật ho hạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
53	Kỹ thuật lấy đờm tác động bằng vỗ rung
54	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
55	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch bệnh*

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
56	Kỹ thuật lấy nước tiểu 24h
57	Kỹ thuật lấy nước tiểu ở người bệnh có đặt dẫn lưu nước tiểu
58	Kỹ thuật lấy nước tiểu thường quy
59	Kỹ thuật lấy phân xét nghiệm
60	Kỹ thuật rút ống dẫn lưu
61	Kỹ thuật tắm cho người bệnh
62	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch qua cổng tiêm thuốc
63	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc: mắt hoặc mũi hoặc miệng hoặc tai
64	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh
65	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh có ống NKQ hoặc người bệnh thở máy +
66	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
67	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
68	Kỹ thuật xoa bóp vùng
69	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè
70	Khí dung mũi họng
71	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
72	Khí dung thuốc giãn phế quản
73	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)
74	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch
75	Sơ cấp cứu bỏng acid*
76	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện*
77	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng*
78	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt +
79	Theo dõi SpO2
80	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường
81	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ
82	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu
83	Thủ thuật Heimlich
84	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em+
85	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
86	Thụt tháo phân
87	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức
88	Đo chức năng hô hấp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
89	Ghi điện não đồ thông thường*
90	Bó bột cánh cẳng bàn tay *
91	Bó bột cẳng bàn chân *
91	Bó bột cẳng bàn tay*
92	Bơm rửa hậu môn sau mổ rò hậu môn *
93	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc
94	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán
95	Cố định tạm thời cột sống cổ bằng nẹp +
96	Cố định tạm thời cột sống lưng bằng nẹp +
97	Cố định tạm thời xương cánh tay +
98	Cố định tạm thời xương cẳng chân +
99	Cố định tạm thời xương cẳng tay +
100	Cố định tạm thời xương đòn +
101	Cố định tạm thời xương đùi +
102	Tháo bột các loại*
103	Thay băng chăm sóc vùng lấy da
104	Thay băng điều trị vết bỏng < 5% diện tích cơ thể ở người lớn*
105	Thay băng điều trị vết bỏng < 5% diện tích cơ thể ở trẻ em*
106	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
107	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
108	Băng ép mắt
109	Bơm rửa lệ đạo*
110	Kỹ thuật bơm thông lệ đạo
111	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
112	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc*
113	Đo sắc giác
114	Đo thị lực
115	Kỹ thuật thay băng mổ đục nhân mắt
116	Kỹ thuật lấy dị vật giác mạc sâu
117	Kỹ thuật lấy dị vật kết mạc
118	Kỹ thuật nhỏ thuốc, rửa mắt
119	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mắt+
120	Bơm thuốc thanh quản*
121	Làm thuốc tại*

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
122	Phương pháp Proetz*
123	Rút meche. rút merocel hóc mũi*
124	Kỹ thuật chiếu đèn vàng da
125	Kỹ thuật sử dụng lồng ấp
126	Kỹ thuật lau mát hạ sốt ở trẻ
127	Kỹ thuật tiêm bắp ở trẻ nhỏ
128	Kỹ thuật chăm sóc rốn
129	Kỹ thuật phụ giúp Bác sỹ đặt thông tĩnh mạch rốn
130	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch ở trẻ nhỏ

Kỹ thuật đánh dấu "+": Kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu, điều dưỡng các trình độ đào tạo đều được thực hiện và chỉ định thực hiện kỹ thuật. Kỹ thuật không đánh dấu: Kỹ thuật điều dưỡng các trình độ đào tạo đều có thể thực hiện và/hoặc ra chỉ định thực hiện.

Kỹ thuật đánh dấu "*": Kỹ thuật điều dưỡng có văn bằng chuyên khoa đó hoặc điều dưỡng trình độ đại học trở lên được đào tạo bổ sung kỹ thuật chuyên môn đó được thực hiện và/hoặc chỉ định kỹ thuật.

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quy chế chuyên môn về điều dưỡng; quy định về chăm sóc người bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Tài liệu đào tạo, hướng dẫn thực hành điều dưỡng do Bộ Y tế ban hành.
- Quy trình kỹ thuật điều dưỡng, quy trình chăm sóc người bệnh đang áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa Lạng Giang.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, đạo đức nghề nghiệp và giao tiếp – ứng xử trong cơ sở y tế.

2. Phương pháp dạy học

- Hướng dẫn lý thuyết gắn với thực hành chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng.
- Điều dưỡng học viên được quan sát, thực hành các kỹ thuật điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Thảo luận tình huống chăm sóc, giao tiếp – ứng xử và an toàn người bệnh.
- Đánh giá kết quả học tập thông qua quá trình thực hành và mức độ đáp ứng yêu cầu chuyên môn điều dưỡng

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Việc đánh giá quá trình thực hành điều dưỡng được thực hiện thông qua theo dõi quá trình tham gia thực hành tại các khoa; mức độ hoàn thành nội dung chương trình và nhận xét của người hướng dẫn thực hành.

Nội dung đánh giá bao gồm: kiến thức điều dưỡng, kỹ năng chăm sóc người bệnh, thái độ nghề nghiệp; việc chấp hành quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề và an toàn người bệnh.

- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.13: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH HỘ SINH ĐỂ CẤP
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HỘ SINH**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Văn bằng trung cấp hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp hộ sinh;

1.2. Văn bằng cao đẳng hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng hộ sinh;

1.3. Văn bằng cử nhân hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân hộ sinh.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc.

- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Phụ Sản.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Giúp học viên củng cố và nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh; thực hiện công việc hộ sinh đúng phạm vi hành nghề, đáp ứng yêu cầu cấp giấy phép hành nghề.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về chăm sóc thai kỳ, chuyển dạ, sinh đẻ, hậu sản và chăm sóc trẻ sơ sinh.

- Hiểu và áp dụng các quy định về quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh trong thực hành hộ sinh

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc thai phụ, sản phụ và trẻ sơ sinh theo phân công và hướng dẫn.

- Theo dõi, phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường trong thai kỳ, chuyển dạ và sau sinh; báo cáo kịp thời cho bác sĩ.

- Thực hiện ghi chép hồ sơ, sổ sách chuyên môn hộ sinh đúng quy định.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế. Có tinh thần trách nhiệm, trung thực, tận tâm trong chăm sóc người bệnh.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản; chăm sóc thai kỳ, chuyển dạ, sinh đẻ và hậu sản. Quy trình, quy chế chuyên môn hộ sinh; kiểm soát nhiễm khuẩn; an toàn người bệnh. Quy định về đạo đức hành nghề, giao tiếp và ứng xử với người bệnh, người nhà người bệnh.

- Nội dung về thực hành: Thực hành tiếp nhận, theo dõi và chăm sóc thai phụ, sản phụ trước, trong và sau sinh theo phân công. Tham gia theo dõi chuyển dạ, hỗ trợ đỡ đẻ thường; chăm sóc sản phụ sau sinh và trẻ sơ sinh. Thực hiện các kỹ thuật hộ sinh cơ bản trong phạm vi hành nghề được phép; theo dõi, phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường và báo cáo kịp thời cho bác sĩ. Thực hiện ghi chép hồ sơ, sổ sách, biểu mẫu chuyên môn hộ sinh theo quy định của cơ sở y tế. Nội dung cụ thể:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
1	Đón tiếp người bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.
2	Cập nhật các quy trình, kỹ thuật tiêm truyền, lấy máu và bệnh phẩm làm xét nghiệm
3	Phản vệ và cấp cứu ngừng tuần hoàn
4	Phụ giúp bác sỹ làm thủ thuật
5	An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn
6	Kiến thức về điều dưỡng và chăm sóc người bệnh
7	Quản lý chăm sóc người bệnh
8	Quản lý thực hiện thuốc cho người bệnh
9	Sơ cứu cấp cứu

10	Sử dụng thành thạo các loại máy: Monitor, máy truyền dịch
11	Truyền thông, giáo dục sức khỏe
II	Khoa Phụ Sản
	TRƯỚC SINH
1	Khám thai
2	Kỹ thuật theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa *
3	Kỹ thuật cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung đường âm đạo *
4	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý
5	Chăm sóc, chuẩn bị bệnh trước phẫu thuật sản, phụ khoa
	TRONG SINH
6	Khám, xác định và theo dõi các giai đoạn của chuyển dạ
7	Chăm sóc, theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ
8	Theo dõi và truyền oxytocin trong chuyển dạ
9	Xử trí ban đầu các trường hợp bất thường trong chuyển dạ
10	Xử trí sa dây rốn
11	Kỹ thuật tách màng ối
12	Kỹ thuật bấm ối
13	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
14	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
15	Thực hiện nghiệm pháp bong rốn, đỡ rốn, kiểm tra bánh rốn
16	Kiểm soát tử cung *
17	Cắt và khâu tầng sinh môn
18	Đón bé sau mổ
	SAU SINH
19	Kỹ thuật da kề da (ngay sau đẻ, mổ đẻ)
20	Chèn gạc âm đạo cầm máu
21	Xử trí ban đầu bằng huyết sau sinh đường âm đạo
22	Khâu phục hồi rách âm đạo, tầng sinh môn độ 1, 2
23	Khâu phục hồi rách âm hộ
24	Xử trí vết rách cổ tử cung đơn thuần *
25	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ ngay đầu sau đẻ
26	Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh
27	Chăm sóc, theo dõi vết khâu tầng sinh môn sau đẻ
28	Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ

29	Làm thuốc tăng sinh môn sau đẻ
30	Làm thuốc vết khâu tăng sinh môn nhiễm khuẩn
31	Nong cổ tử cung do bế sản dịch
	PHỤ KHOA- PHÁ THAI - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
32	Khám phụ khoa
33	Xử trí ban đầu cấp cứu phụ khoa
34	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước thủ thuật sản phụ khoa
35	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau thủ thuật sản phụ khoa
36	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước phẫu thuật sản, phụ khoa
37	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau phẫu thuật sản, phụ khoa
38	Chăm sóc và theo dõi người bệnh trước phẫu thuật bệnh lý
39	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật bệnh lý
40	Chăm sóc, theo dõi người bệnh rò bàng quang - âm đạo
41	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý
42	Chăm sóc, theo dõi người bệnh chữa ngoài tử cung
43	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau nạo thai trứng
44	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau mổ cắt vú
45	Khám vú cho phụ nữ
46	Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục
47	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo
48	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm tế bào học âm đạo, cổ tử cung
49	Lấy bệnh phẩm âm đạo, cổ tử cung để xét nghiệm HPV
50	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm vi khuẩn, vi nấm, Trichomonas nhuộm soi và phân tích tự động hỗ trợ chẩn đoán viêm âm đạo
51	Đặt thuốc trong điều trị viêm âm hộ, âm đạo, cổ tử cung
52	Đặt dụng cụ tử cung
53	Tháo dụng cụ tử cung
54	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
	SƠ SINH
55	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
56	Khám phát hiện di tật ngoài trẻ sơ sinh
57	Chăm sóc rốn sơ sinh
58	Chăm sóc rốn sơ sinh nhiễm khuẩn
59	Lấy máu gót chân sơ sinh
60	Tắm trẻ sơ sinh

61	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngay sau đẻ
62	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngày đầu sau đẻ
63	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh tuần đầu sau đẻ
64	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh 6 đầu sau đẻ
65	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
66	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh nằm lồng ấp
67	Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh
68	Cấp cứu sặc sữa
69	Xử trí ban đầu dị vật đường thở trẻ sơ sinh
70	Xử trí ban đầu hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh
71	Xử trí ban đầu hạ đường huyết ở trẻ sơ sinh
72	Xử trí chảy máu rốn
73	Cố định tạm thời gãy xương trẻ sơ sinh
74	Chăm sóc trẻ sơ sinh được chiếu đèn điều trị vàng da

- Người hành nghề có văn bằng chuyên môn là hộ sinh được phép thực hiện các kỹ thuật không đánh dấu “*” thuộc mục I. Chương chung và các kỹ thuật đánh dấu “+” của Phụ lục XII - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của người hành nghề là điều dưỡng ban hành kèm theo Thông tư này.

- Các kỹ thuật đánh dấu “*”: chỉ người hành nghề có văn bằng chuyên môn là hộ sinh trình độ đại học mới được thực hiện.

- Người hành nghề có văn bằng chuyên môn trình độ đại học là Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản, Điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh, Điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa được đào tạo trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được thực hiện các kỹ thuật chuyên môn của người hành nghề là hộ sinh trình độ đại học.

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quy chế chuyên môn về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và sức khỏe sinh sản.
- Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và chăm sóc sản khoa, chăm sóc trẻ sơ sinh do Bộ Y tế ban hành.
- Quy trình kỹ thuật hộ sinh, quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, an toàn người bệnh đang áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.
- Tài liệu đào tạo, sổ tay chuyên môn, biểu mẫu và hồ sơ hộ sinh sử dụng trong thực hành tại các khoa, phòng.

2. Phương pháp dạy học

- Học viên được phân công thực hành tại các khoa, phòng chuyên môn; tham gia đầy đủ các hoạt động chăm sóc hộ sinh dưới sự hướng dẫn trực tiếp của người hướng dẫn thực hành.

- Thực hành theo hình thức quan sát – thực hiện – đánh giá, từng bước thực hiện các kỹ thuật hộ sinh từ đơn giản đến nâng cao theo phạm vi hành nghề được phép.

- Kết hợp thực hành lâm sàng với trao đổi, thảo luận các tình huống thực tế trong quá trình chăm sóc thai phụ, sản phụ và trẻ sơ sinh.

- Người hướng dẫn theo dõi, nhận xét và đánh giá quá trình thực hành của học viên; hướng dẫn khắc phục sai sót, rút kinh nghiệm sau mỗi nội dung thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

1. Cách thức đánh giá đầu ra:

- Đánh giá thông qua quá trình tham gia thực hành tại các khoa, phòng chuyên môn theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung thực hành, kỹ năng chuyên môn, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người bệnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phạm vi hành nghề; khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Kết hợp nhận xét của người hướng dẫn thực hành, trưởng khoa/phòng và kết quả theo dõi trong sổ nhật ký thực hành.

2. Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.14: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH KỸ THUẬT Y
ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ
XÉT NGHIỆM Y HỌC**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học;

1.2. Văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học;

1.3. Văn bằng cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc.

- 05 tháng thực hành chuyên môn tại khoa Xét nghiệm.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện đúng, an toàn và hiệu quả các kỹ thuật xét nghiệm y học theo phạm vi hành nghề được cấp phép; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh liên quan đến lĩnh vực xét nghiệm y học.

- Hiểu và vận dụng đúng các quy trình chuyên môn kỹ thuật xét nghiệm thuộc phạm vi hành nghề.

- Nhận biết được các nguy cơ mất an toàn sinh học, an toàn người bệnh trong hoạt động xét nghiệm.

- Hiểu nguyên tắc quản lý, bảo quản mẫu bệnh phẩm, hóa chất, sinh phẩm và trang thiết bị xét nghiệm.

2.2. Về kỹ năng

Học viên thực hiện được:

- Tiếp nhận, kiểm tra, bảo quản và xử lý mẫu bệnh phẩm đúng quy trình.

- Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm thông thường theo phân công của khoa/phòng chuyên môn.

- Sử dụng, bảo quản trang thiết bị xét nghiệm an toàn, hiệu quả.

- Ghi chép, báo cáo kết quả xét nghiệm chính xác, đúng quy định.

- Phối hợp làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa trong quá trình thực hiện xét nghiệm.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức và quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Có tinh thần trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng trong thực hiện chuyên môn.

- Tôn trọng và giao tiếp đúng mực với người bệnh và đồng nghiệp.

- Chấp hành nghiêm quy định về an toàn sinh học, an toàn người bệnh và bảo mật thông tin.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

1. Nội dung về lý thuyết:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực xét nghiệm y học.

- Quy chế chuyên môn về xét nghiệm y học.

- Nguyên tắc an toàn sinh học, kiểm soát nhiễm khuẩn trong xét nghiệm.

- Đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh và bảo mật thông tin y tế.

2. Nội dung về thực hành:

- Thực hành tiếp nhận và xử lý mẫu bệnh phẩm.

- Thực hành các kỹ thuật xét nghiệm thường quy theo phân công.

- Thực hành sử dụng, bảo quản và vệ sinh trang thiết bị xét nghiệm.

- Thực hành ghi chép hồ sơ, sổ sách chuyên môn, báo cáo kết quả xét nghiệm.

- Thực hành xử lý sự cố chuyên môn và tình huống mất an toàn sinh học.

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Vận chuyển an toàn người bệnh
4	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
5	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
6	Xử trí sốc phản vệ
II	Khoa Xét nghiệm
A	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm
1	Tổ chức quản lý phòng xét nghiệm
2	An toàn phòng xét nghiệm. Sổ tay an toàn
3	Tổng quan về hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm Tài liệu hồ sơ trong quản lý chất lượng xét nghiệm Khái niệm cơ bản về Quản lý chất lượng giai đoạn trong xét nghiệm: Nội kiểm, ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm
4	Sai số trong quá trình xét nghiệm: Trước, trong và sau xét nghiệm; biện pháp khắc phục
B	Các dịch vụ kỹ thuật
	A. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU
1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động
2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động
3	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công
4	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (tên khác: TCK) bằng máy tự động
5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) bằng máy bán tự động
6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công
7	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động
8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động
9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công
10	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động
11	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
12	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động
13	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động
14	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)
15	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
16	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy
17	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)
18	Nghiệm pháp dây thắt
19	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)
20	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
21	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
22	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)
23	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)
24	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)
25	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)
26	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)
27	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)
28	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)
29	Tìm mảnh vỡ hồng cầu
30	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ
31	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)
32	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)
33	Tìm giun chỉ trong máu
34	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
35	Máu lắng (bằng máy tự động)
36	Tìm tế bào Hargraves
37	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
38	Cận Addis
39	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công
40	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
41	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học
42	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm
43	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang kế
44	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)
45	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)
46	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)
47	Hiệu giá kháng thể tự nhiên chống A, B (kỹ thuật ống nghiệm)
48	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (kỹ thuật ống nghiệm)
49	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)
50	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiến đá)
51	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên giấy)
52	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên thẻ)
53	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu
54	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương
55	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu
56	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương
57	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)
58	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiến đá)
59	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)
60	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)
61	Điện di huyết sắc tố
62	DCIP test (Dichlorophenol-Indolphenol test dùng sàng lọc huyết sắc tố E)
63	BCB test (Bright Cresyl Blue test dùng sàng lọc huyết sắc tố H)
64	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu
65	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu
66	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi
67	Rút máu để điều trị
68	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu
69	Thời gian đông máu

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	B. HÓA SINH
70	Định lượng Acid Uric [Máu]
71	Định lượng Albumin [Máu]
72	Đo hoạt độ Amylase [Máu]
73	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]
74	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]
75	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]
76	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]
77	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]
78	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]
79	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]
80	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]
81	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]
82	Định lượng Canxi ion hóa [Máu]
83	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]
84	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]
85	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]
86	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]
87	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)
88	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]
89	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]
90	Định lượng Cortisol (máu)
91	Định lượng Creatinin (máu)
92	Định lượng D-Dimer [Máu]
93	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]
94	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]
95	Định lượng Ferritin [Máu]
96	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]
97	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]
98	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]
99	Định lượng Glucose [Máu]
100	Định lượng Globulin [Máu]
101	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]
102	Định lượng HbA1c [Máu]

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
103	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]
104	Xét nghiệm Khí máu [Máu]
105	Đo hoạt độ Lipase [Máu]
106	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]
107	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]
108	Định lượng Phospho (máu)
109	Định lượng Protein toàn phần [Máu]
110	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]
111	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon) [Máu]
112	Định lượng Sắt [Máu]
113	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]
114	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]
115	Định lượng Testosterol [Máu]
116	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]
117	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]
118	Định lượng Troponin T [Máu]
119	Định lượng Troponin I [Máu]
120	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]
121	Định lượng Urê máu [Máu]
122	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]
123	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]
124	Định lượng Amphetamine [niệu]
125	Định lượng Amylase [niệu]
126	Định lượng Axit Uric [niệu]
127	Định tính beta hCG (test nhanh) [niệu]
128	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]
129	Định tính Protein Bence-Jones [niệu]
130	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)
131	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)
	C.VI SINH
132	Vi khuẩn nhuộm soi
133	Vi khuẩn test nhanh
134	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
135	Vi khuẩn kháng thuốc định tính

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
136	Vi hệ đường ruột
137	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen
138	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang
139	Mycobacterium tuberculosis Mantoux
140	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert
141	Vibrio cholerae soi tươi
142	Vibrio cholerae nhuộm soi
143	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi
144	Neisseria meningitidis nhuộm soi
145	Chlamydia test nhanh
146	Helicobacter pylori Ag test nhanh
147	Helicobacter pylori Ab test nhanh
148	Leptospira test nhanh
149	Mycoplasma hominis test nhanh
150	Streptococcus pyogenes ASO
151	Treponema pallidum soi tươi
152	Treponema pallidum nhuộm soi
153	Treponema pallidum test nhanh
154	Virus test nhanh
155	HBsAg test nhanh
156	HBsAg miễn dịch bán tự động
157	HBsAb test nhanh
158	HBcAb test nhanh
159	HBeAg test nhanh
160	HBeAb test nhanh
161	HCV Ab test nhanh
162	HAV Ab test nhanh
163	HIV Ab test nhanh
164	HIV Ag/Ab test nhanh
165	Dengue virus NS1Ag test nhanh
166	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh
167	Dengue virus IgA test nhanh
168	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động
169	EV71 IgM/IgG test nhanh

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
170	Coronavirus Real-time PCR
171	Influenza virus A, B test nhanh
172	Rotavirus test nhanh
173	Rubella virus Ab test nhanh
174	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
175	Hồng cầu trong phân test nhanh
176	Đơn bào đường ruột soi tươi
177	Đơn bào đường ruột nhuộm soi
178	Trứng giun, sán soi tươi
179	Trứng giun soi tập trung
180	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi
181	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi
182	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính
183	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh
184	Demodex soi tươi
185	Demodex nhuộm soi
186	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi
187	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi
188	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) soi tươi
189	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) nhuộm soi
190	Vì nấm soi tươi
	D.GIẢI PHẪU BỆNH
191	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
192	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
193	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da
194	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt
195	Chọc hút kim nhỏ các hạch
196	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim
197	Tế bào học dịch màng khớp
198	Tế bào học nước tiểu
199	Tế bào học đờm
200	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang
201	Nhuộm phiên đồ tế bào theo Papanicolaou
202	Nhuộm Diff - Quick

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
203	Nhuộm Giemsa
204	Nhuộm May Grunwald - Giemsa
205	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư, hướng dẫn của Bộ Y tế về công tác xét nghiệm trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Quy định về an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm y học của Bộ Y tế (các văn bản hiện hành).
- Quy chế chuyên môn xét nghiệm y học. Hướng dẫn an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm. Quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong hoạt động xét nghiệm. Quy trình quản lý chất thải y tế phát sinh từ phòng xét nghiệm. Hướng dẫn phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp và xử trí phơi nhiễm đối với nhân viên xét nghiệm.
- Quy tắc ứng xử của cán bộ y tế theo quy định của Bộ Y tế. Quy định về bảo mật thông tin người bệnh trong hoạt động xét nghiệm. Tài liệu đào tạo đạo đức hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

2. Phương pháp dạy học

- Giảng giải, hướng dẫn trực tiếp tại khoa xét nghiệm.
- Thực hành có giám sát trên hệ thống trang thiết bị xét nghiệm của bệnh viện.
- Kèm cặp 1–1 hoặc theo nhóm nhỏ trong quá trình thực hành.
- Nhận xét, đánh giá định kỳ và cuối đợt thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

1. Cách thức đánh giá đầu ra:

- Đánh giá thông qua quá trình tham gia thực hành tại các khoa, phòng chuyên môn theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung thực hành, kỹ năng chuyên môn, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người bệnh.
- Đánh giá kết quả thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phạm vi hành nghề; khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Kết hợp nhận xét của người hướng dẫn thực hành, trưởng khoa/phòng và kết quả theo dõi trong sổ nhật ký thực hành.

2. Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh

viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.15: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y ĐỂ CẤP
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HÌNH ẢNH Y HỌC**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học;

1.2. Văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học;

1.3. Văn bằng cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc.

- 05 tháng thực hành chuyên môn tại khoa Chẩn đoán hình ảnh-TDCN.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện đúng, an toàn và hiệu quả các kỹ thuật hình ảnh y học theo phạm vi hành nghề; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh liên quan đến lĩnh vực hình ảnh y học.

- Hiểu nguyên lý cơ bản của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh đang triển khai tại bệnh viện.

- Nắm vững quy trình chuyên môn, quy trình kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh theo phạm vi hành nghề.

- Hiểu các quy định về an toàn bức xạ, an toàn người bệnh và bảo mật thông tin y tế.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện tiếp nhận người bệnh và kiểm tra tính phù hợp của chỉ định chẩn đoán hình ảnh.

- Chuẩn bị người bệnh, phương tiện và trang thiết bị trước khi thực hiện kỹ thuật hình ảnh y học.

- Thực hiện được các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh thường quy theo phân công và hướng dẫn của người có thẩm quyền.

- Vận hành, sử dụng trang thiết bị chẩn đoán hình ảnh an toàn, đúng quy trình.

- Thực hiện đúng các biện pháp bảo đảm an toàn bức xạ cho người bệnh và nhân viên y tế.

- Ghi chép, lưu trữ và bàn giao kết quả chẩn đoán hình ảnh theo quy định.

- Phối hợp hiệu quả với bác sĩ và các bộ phận liên quan trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức và quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Trung thực, cẩn trọng, có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Tôn trọng, giao tiếp đúng mực với người bệnh và đồng nghiệp.

- Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn bức xạ, an toàn người bệnh và nội quy của cơ sở thực hành.

- Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

1. Nội dung về lý thuyết:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến lĩnh vực hình ảnh y học.

- Quy chế chuyên môn về chẩn đoán hình ảnh.

- Nguyên tắc an toàn bức xạ trong y tế; phòng ngừa và kiểm soát phơi nhiễm bức xạ.

- Nguyên tắc bảo đảm an toàn người bệnh trong chẩn đoán hình ảnh.

- Đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế trong hoạt động chuyên môn.

- Quy định về bảo mật thông tin người bệnh và hồ sơ hình ảnh y học.

2. Nội dung về thực hành:

- Thực hành tiếp nhận người bệnh và kiểm tra chỉ định chẩn đoán hình ảnh.
- Thực hành chuẩn bị người bệnh trước khi thực hiện kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh.
- Thực hành vận hành, sử dụng trang thiết bị chẩn đoán hình ảnh theo phân công, bao gồm:
 - Chụp X-quang thường quy. Siêu âm chẩn đoán.
 - Các kỹ thuật hình ảnh y học khác theo danh mục kỹ thuật được phê duyệt của bệnh viện.
 - Thực hành các biện pháp bảo đảm an toàn bức xạ cho người bệnh và nhân viên y tế.
 - Thực hành vệ sinh, bảo quản và bảo dưỡng trang thiết bị hình ảnh y học.
 - Thực hành ghi chép, lưu trữ và bàn giao kết quả chẩn đoán hình ảnh theo quy định.
 - Thực hành phối hợp liên chuyên khoa trong quá trình thực hiện kỹ thuật hình ảnh y học.

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Vận chuyển an toàn người bệnh
4	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
5	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
6	Xử trí sốc phản vệ
II	Khoa Chẩn đoán hình ảnh-Thăm dò chức năng
A	Các kiến thức chung
1	Quản lý, vận hành, bảo quản các trang thiết bị máy móc chẩn đoán hình ảnh
2	Tiếp đón và chuẩn bị người bệnh trước chụp
3	Tiếp đón và chuẩn bị bệnh nhân trước chụp Xquang
4	Tiếp đón và chuẩn bị bệnh nhân trước chụp Cắt lớp vi tính
B	Dịch vụ kỹ thuật
	A. ĐIỆN QUANG
	1. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)
1	Chụp X-quang sọ thẳng/nghe nghiêng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
2	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng
3	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao
4	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến
5	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng
6	Chụp X-quang Blondeau
7	Chụp X-quang Hirtz
8	Chụp X-quang hàm chéch một bên
9	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến
10	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng
11	Chụp X-quang Chausse III
12	Chụp X-quang Schuller
13	Chụp X-quang Stenvers
14	Chụp X-quang khớp thái dương hàm
15	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)
16	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing)
17	Chụp X-quang răng toàn cảnh
18	Chụp X-quang phim cắn (Occlusal)
19	Chụp X-quang mỏm trâm
20	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng
21	Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên
22	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế
23	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2
24	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch
25	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
26	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéch hai bên
27	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
28	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn
29	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze
30	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
31	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên
32	Chụp X-quang khung chậu thẳng
33	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéch
34	Chụp X-quang khớp vai thẳng
35	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéch

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
36	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng
37	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng
38	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo
39	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)
40	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng
41	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
42	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
43	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên
44	Chụp X-quang khớp háng nghiêng
45	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng
46	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo
47	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè
48	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng
49	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo
50	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo
51	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng
52	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng
53	Chụp X-quang ngực thẳng
54	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên
55	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng
56	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo
57	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn
58	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng
59	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
60	Chụp X-quang tại giường
61	Chụp X-quang thực quản dạ dày
62	Chụp X-quang ruột non
63	Chụp X-quang đại tràng
64	Chụp X-quang đường mật qua Kehr
65	Chụp X-quang đường rò
66	Chụp X-quang tuyến nước bọt
67	Chụp X-quang tuyến lệ
68	Chụp X-quang tử cung vòi trứng
69	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
70	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng
71	Chụp X-quang niệu quản - bể thận ngược dòng
72	Chụp X-quang niệu đạo bàng quang ngược dòng
73	Chụp X-quang bàng quang trên xương mu
	2. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH TỪ 1 – 32 DÂY
74	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
75	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
76	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
77	Chụp CLVT mạch máu não (từ 1-32 dây)
78	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 1-32 dây)
79	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
80	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
81	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 1-32 dây)
82	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
83	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dây)
84	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 1-32 dây)
85	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
86	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
87	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1- 32 dây)
88	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 1- 32 dây)
89	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dây)
90	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành (từ 1- 32 dây)
91	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dây)
92	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dây)
93	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dây)
94	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dây)
95	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 1-32 dây)
96	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 1-32 dây)
97	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion) (từ 1-32 dây)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
98	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ 1-32 dây)
99	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ 1-32 dây)
100	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 1-32 dây)
101	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
102	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
103	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
104	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
105	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
106	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
107	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
108	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
109	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
110	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
111	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 1- 32 dây)
112	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 1- 32 dây)
	4. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP
113	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
114	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
115	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
116	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
117	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm
118	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm
119	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm
120	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm
121	Chọc hút dịch màng tim dưới hướng dẫn siêu âm
122	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm
123	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
124	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm
125	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm
	B. THĂM DÒ CHỨC NĂNG
	1. TIM, MẠCH
126	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)
127	Đo lưu huyết não
128	Nghiệm pháp dây thắt
129	Điện tim thường
	2. HÔ HẤP
130	Test giãn phế quản (broncho modilator test)
131	Test dung tích sống gắng sức (FVC)
132	Test dung tích sống thở chậm (SVC)
133	Thông khí tự ý tối đa (MVV)
	3. THẦN KINH, TÂM THẦN
134	Ghi điện não đồ thông thường
	4. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU
135	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước
	5. TAI MŨI HỌNG
136	Phân tích âm giọng nói cơ bản
137	Đo thính lực đơn âm
138	Đo thính lực lời
139	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc
	6. MẮT
140	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel
141	Test thử cảm giác giác mạc
142	Test phát hiện khô mắt
143	Nghiệm pháp phát hiện glacom
144	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm
145	Đo thị trường chu biên
146	Đo sắc giác
147	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
148	Thử kính
149	Đo độ lác
150	Xác định sơ đồ song thị

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
151	Đo đường kính giác mạc
152	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm
153	Đo nhãn áp
154	Đo thị lực
	7. CƠ XƯƠNG KHỚP
155	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm
156	Test prostigmin chẩn đoán nhược cơ
157	Nghiệm pháp Atropin
	8. NỘI TIẾT
158	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin
159	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các văn bản của Bộ Y tế về an toàn bức xạ trong y tế.
- Quy chế chuyên môn chẩn đoán hình ảnh.
- Danh mục kỹ thuật hình ảnh y học được phê duyệt tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.
- Quy trình chuyên môn, quy trình chuẩn (SOP) đối với các kỹ thuật hình ảnh y học đang triển khai tại bệnh viện.

2. Phương pháp dạy học

- Hướng dẫn lý thuyết kết hợp thực hành trực tiếp tại khoa chẩn đoán hình ảnh.
- Học viên quan sát thao tác mẫu, sau đó thực hành dưới sự giám sát của người hướng dẫn.
- Kèm cặp cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ trong quá trình thực hành.
- Học tập dựa trên tình huống lâm sàng thực tế.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong suốt quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

1. Cách thức đánh giá đầu ra:

- Đánh giá thông qua quá trình tham gia thực hành tại các khoa, phòng chuyên môn theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung thực hành, kỹ năng chuyên môn, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người bệnh.
- Đánh giá kết quả thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phạm vi hành nghề; khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Kết hợp nhận xét của người hướng dẫn thực hành, trưởng khoa/phòng và kết quả theo dõi trong sổ nhật ký thực hành.

2. Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.16: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y
ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ
PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Văn bằng trung cấp kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp của một trong các ngành sau đây: kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng;

1.2. Văn bằng cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng của một trong các ngành sau đây: kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng;

1.3. Văn bằng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cử nhân vật lý trị liệu, văn bằng cử nhân hoạt động trị liệu, văn bằng cử nhân ngôn ngữ trị liệu, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân của một trong các ngành sau đây: phục hồi chức năng, vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực- Chống độc.

- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng theo phạm vi hành nghề; bảo đảm an toàn người bệnh, tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh liên quan đến lĩnh vực phục hồi chức năng.
- Hiểu nguyên lý cơ bản của các phương pháp phục hồi chức năng đang triển khai tại cơ sở thực hành.
- Nắm vững các quy trình chuyên môn, kỹ thuật phục hồi chức năng theo phạm vi hành nghề được cấp phép.
- Hiểu các nguyên tắc bảo đảm an toàn người bệnh, phòng ngừa tai nạn trong quá trình can thiệp phục hồi chức năng.
- Hiểu quy định về bảo mật thông tin người bệnh và hồ sơ phục hồi chức năng.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện tiếp nhận người bệnh và hỗ trợ đánh giá ban đầu theo chỉ định của người có thẩm quyền.
- Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ và phương tiện phục hồi chức năng trước khi thực hiện kỹ thuật.
- Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng thường quy theo phân công và hướng dẫn chuyên môn.
- Hướng dẫn người bệnh thực hiện các bài tập phục hồi chức năng phù hợp với tình trạng bệnh.
- Sử dụng, bảo quản và vệ sinh trang thiết bị, dụng cụ phục hồi chức năng đúng quy định.
- Theo dõi, ghi chép và báo cáo kết quả quá trình phục hồi chức năng của người bệnh.
- Phối hợp hiệu quả với bác sĩ và các bộ phận liên quan trong quá trình điều trị và phục hồi chức năng.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức và quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tận tâm, trách nhiệm, kiên nhẫn và tôn trọng người bệnh trong quá trình phục hồi chức năng.
- Trung thực, cẩn trọng trong thực hiện chuyên môn và báo cáo kết quả.
- Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn người bệnh, nội quy của cơ sở thực hành.
- Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

1. Nội dung về lý thuyết:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến lĩnh vực phục hồi chức năng.
- Quy chế chuyên môn trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh phục hồi chức năng.
- Nguyên lý cơ bản của các phương pháp phục hồi chức năng.
- Chỉ định, chống chỉ định trong thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng.
- Nguyên tắc bảo đảm an toàn người bệnh trong phục hồi chức năng.
- Đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Quy định về bảo mật thông tin người bệnh và hồ sơ phục hồi chức năng

2. Nội dung về thực hành:

- Thực hành tiếp nhận người bệnh phục hồi chức năng theo chỉ định.
- Thực hành hỗ trợ đánh giá tình trạng chức năng vận động của người bệnh.
- Thực hành chuẩn bị người bệnh, dụng cụ và phương tiện phục hồi chức năng.
- Thực hành các kỹ thuật phục hồi chức năng thường quy theo phạm vi hành nghề, bao gồm: Vận động trị liệu, Hoạt động trị liệu, Các bài tập phục hồi chức năng cơ bản theo chỉ định.
- Thực hành hướng dẫn người bệnh và người nhà thực hiện các bài tập phục hồi chức năng.
- Thực hành theo dõi, đánh giá đáp ứng của người bệnh trong quá trình tập luyện.
- Thực hành sử dụng, bảo quản và vệ sinh dụng cụ, trang thiết bị phục hồi chức năng.
- Thực hành ghi chép hồ sơ, sổ sách chuyên môn và báo cáo kết quả phục hồi chức năng.
- Thực hành phối hợp liên chuyên khoa trong điều trị và phục hồi chức năng cho người bệnh.

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Vận chuyển an toàn người bệnh
4	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
5	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
6	Xử trí sốc phản vệ
II	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
A	Kiến thức chung

1	Quản lý, vận hành, bảo quản trang thiết bị máy móc Phục hồi chức năng
2	Tâm lý người bệnh
B	Dịch vụ kỹ thuật
	VẬT LÝ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
1	Điều trị bằng sóng ngắn
2	Điều trị bằng từ trường
3	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
4	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc
5	Điều trị bằng siêu âm
6	Điều trị bằng sóng xung kích
7	Điều trị bằng dòng giao thoa
8	Điều trị bằng tia hồng ngoại
9	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch
10	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ
11	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
12	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
13	Điều trị bằng Parafin
14	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống
	VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU
15	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người
16	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
17	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
18	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
19	Tập lăn trở khi nằm
20	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
21	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
22	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
23	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
24	Tập dáng đi
25	Tập đi với thanh song song
26	Tập đi với khung tập đi
27	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
28	Tập đi với gậy
29	Tập đi với bàn xương cá

30	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)
31	Tập lên, xuống cầu thang
32	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)
33	Tập đi với chân giả trên gối
34	Tập đi với chân giả dưới gối
35	Tập đi với khung treo
36	Tập vận động thụ động
37	Tập vận động có trợ giúp
38	Tập vận động chủ động
39	Tập vận động tự do tứ chi
40	Tập vận động có kháng trở
41	Tập kéo dẫn
42	Tập vận động trên bóng
43	Tập trong bồn bóng nhỏ
44	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên
45	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới
46	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng
47	Tập với thang tường
48	Tập với giàn treo các chi
49	Tập với ròng rọc
50	Tập với dụng cụ quay khớp vai
51	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi
52	Tập với xe đạp tập
53	Tập các kiểu thở
54	Tập ho có trợ giúp
55	Tập điều hợp vận động
56	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)
	HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU
57	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
58	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
59	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn
60	Tập các vận động thô của bàn tay
61	Tập các vận động khéo léo của bàn tay
62	Tập phối hợp hai tay
63	Tập phối hợp tay miệng

64	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
65	Tập điều hòa cảm giác
66	Tập tri giác và nhận thức
	NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)
67	Tập nuốt
68	Tập nói
69	Tập nhai
70	Tập phát âm
71	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)
72	Tập cho người thất ngôn
73	Tập luyện giọng
74	Tập sửa lỗi phát âm
	KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)
75	Lượng giá chức năng người khuyết tật
76	Lượng giá chức năng tim mạch
77	Lượng giá chức năng hô hấp
78	Lượng giá chức năng tâm lý
79	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức
80	Lượng giá chức năng ngôn ngữ
81	Lượng giá chức năng dáng đi
82	Lượng giá chức năng thăng bằng
83	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày
84	Thử cơ bằng tay
85	Đo tầm vận động khớp
86	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi
87	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống
88	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống
89	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti
90	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng (trong liệt tứ chi)
91	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi trên
92	Kỹ thuật băng chun mồm cụt chi dưới
93	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu
94	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu

95	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)
96	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng
97	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối
98	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối
99	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)
100	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột sống)
101	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO
102	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO
103	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO
104	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO
105	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO
106	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong
107	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng
108	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các văn bản của Bộ Y tế quy định về phục hồi chức năng trong khám bệnh, chữa bệnh.
- Quy chế chuyên môn về phục hồi chức năng.
- Danh mục kỹ thuật phục hồi chức năng được phê duyệt tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.
- Quy trình chuyên môn, quy trình kỹ thuật đối với các kỹ thuật phục hồi chức năng đang triển khai tại bệnh viện.
- Tài liệu hướng dẫn an toàn người bệnh, phòng ngừa tai nạn trong phục hồi chức năng.
- Tài liệu về đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy kết hợp lý thuyết và thực hành tại khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng.
- Hướng dẫn trực tiếp tại vị trí làm việc; người hướng dẫn làm mẫu, học viên quan sát và thực hành có giám sát.

- Kèm cặp cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ trong quá trình thực hành kỹ thuật.
- Học tập dựa trên tình huống lâm sàng thực tế của người bệnh phục hồi chức năng.

- Thực hành theo quy trình chuẩn, bảo đảm an toàn người bệnh.

- Đánh giá, nhận xét thường xuyên và liên tục trong suốt quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

1. Cách thức đánh giá đầu ra:

- Đánh giá thông qua quá trình tham gia thực hành tại các khoa, phòng chuyên môn theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung thực hành, kỹ năng chuyên môn, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người bệnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phạm vi hành nghề; khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Kết hợp nhận xét của người hướng dẫn thực hành, trưởng khoa/phòng và kết quả theo dõi trong sổ nhật ký thực hành.

2. Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.17. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG
ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Hồi sức cấp cứu; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Hồi sức cấp cứu; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực – Chống độc
	A. Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị tràn khí màng phổi ở bệnh nhân thở máy
2	Chẩn đoán và điều trị ngưng thở ngưng tim
3	Chẩn đoán và điều trị co giật do sốt

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim
5	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu não
6	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết não
7	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
8	Chẩn đoán và điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị suy hô hấp nặng do Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
10	Chẩn đoán và điều trị cơn hen phế quản nặng ở người lớn
11	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hoá trên
12	Chẩn đoán và xử trí cấp cứu đau bụng cấp
13	Chẩn đoán và điều trị ong đốt
14	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
15	Chẩn đoán và điều trị hạ kali máu
16	Chẩn đoán và điều trị sốc giảm thể tích máu
17	Chẩn đoán và điều trị sốc tim
18	Chẩn đoán và điều trị sốc nhiễm khuẩn
19	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp cấp cứu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ
2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ
4	Làm test phục hồi máu mao mạch
5	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên
6	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng
7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng
8	Chăm sóc catheter tĩnh mạch
9	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
10	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
11	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường
12	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu
13	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ
14	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu
15	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
16	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
17	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm
18	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu
19	Mở màng ngoài tim cấp cứu tại giường bệnh
20	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ
21	Dùng thuốc chống đông
22	Liệu pháp Insulin liều cao điều trị ngộ độc (để nâng huyết áp) ≤ 8 giờ
23	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
24	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn
25	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
26	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)
27	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)
28	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)
29	Thở oxy qua gọng kính (£ 8 giờ)
30	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)
31	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ)
32	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ)
33	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (£ 8 giờ)
34	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ
35	Thở oxy qua mặt nạ venturi (£ 8 giờ)
36	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
37	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
38	Đặt ống nội khí quản
39	Mở khí quản cấp cứu
40	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp
41	Mở khí quản thường quy
42	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở
43	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)
44	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
45	Thay ống nội khí quản
46	Rút ống nội khí quản
47	Rút canuyn khí quản
48	Thay canuyn mở khí quản
49	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV _i (một lần)
50	Vận động trị liệu hô hấp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
51	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
52	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)
53	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù
54	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng
55	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩ giáp
56	Siêu âm màng phổi cấp cứu
57	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter
58	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ
59	Mở màng phổi cấp cứu
60	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca
61	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ
62	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ
63	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ
64	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ
65	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ
66	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ
67	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ
68	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ
69	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ
70	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SiMV ≤ 8 giờ
71	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ
72	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển
73	Cai thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ
74	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ
75	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP
76	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở bằng T-tube
77	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
78	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
79	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao
80	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
81	Chọc hút nước tiểu trên xương mu
82	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ
83	Mở thông bàng quang trên xương mu
84	Thông bàng quang
85	Rửa bàng quang lấy máu cục
86	Vận động trị liệu bàng quang

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
87	Bài niệu cường bức ≤ 8 giờ
88	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ
89	Đặt catheter lọc máu cấp cứu
90	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)
91	Thận nhân tạo cấp cứu
92	Thận nhân tạo thường qui
93	Soi đáy mắt cấp cứu
94	Chọc dịch tuỷ sống
95	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ
96	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ
97	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ
98	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
99	Đặt ống thông dạ dày
100	Rửa dạ dày cấp cứu
101	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín
102	Thụt tháo
103	Thụt giữ
104	Đặt ống thông hậu môn
105	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
106	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
107	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông hồng tràng ≤ 8 giờ
108	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)
109	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
110	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ
111	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu
112	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch
113	Đo áp lực ổ bụng
114	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu
115	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
116	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ
117	Rửa màng bụng cấp cứu
118	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ
119	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm
120	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
121	Hạ thân nhiệt chỉ huy

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
122	Nâng thân nhiệt chỉ huy
123	Giải stress cho người bệnh
124	Kiểm soát đau trong cấp cứu
125	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
126	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
127	Lấy máu tĩnh mạch bệnh
128	Truyền máu và các chế phẩm máu
129	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch
130	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch
131	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ
132	Rửa mắt tẩy độc
133	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)
134	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)
135	Gội đầu cho người bệnh tại giường
136	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh
137	Tắm cho người bệnh tại giường
138	Tắm tẩy độc cho người bệnh
139	Xoa bóp phòng chống loét
140	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
141	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ
142	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
143	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
144	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc
145	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ
146	Điều trị giải độc bằng huyết thanh kháng nọc đặc hiệu
147	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp
148	Băng bó vết thương
149	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
150	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
151	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
152	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng
153	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
154	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm
155	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm
156	Định nhóm máu tại giường
157	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
158	Đo các chất khí trong máu
159	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh
160	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc
161	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.
- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.
- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.

- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

PHỤ LỤC 3.18. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Gây mê hồi sức; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng chuyên môn Gây mê hồi sức tại Khoa Ngoại - Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Gây mê hồi sức; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng chuyên môn Gây mê hồi sức tại Khoa Ngoại - Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

III. NỘI DUNG THỰC HÀNH

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
1	Cấp cứu ngừng thở
2	Cấp cứu ngừng tim
3	Cấp cứu tụt huyết áp, tăng huyết áp
4	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài
5	Chọc tĩnh mạch cảnh trong
6	Chọc tĩnh mạch đùi
7	Chọc tĩnh mạch dưới đòn
8	Chọc tủy sống đường bên

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
9	Chọc tủy sống đường giữa
10	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật
11	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài
12	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm luôn từ tĩnh mạch ngoại vi
13	Đặt mát thanh quản kinh điển hoặc tương đương
14	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy
15	Đặt nội khí quản mò qua mũi
16	Đặt nội khí quản khó trong phẫu thuật hàm mặt
17	Đặt nội khí quản qua mũi
18	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp
19	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ
20	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp
21	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong nạo hút thai
22	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental
23	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda
24	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa
25	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên
26	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn
27	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang
28	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách
29	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông
30	Kỹ thuật gây tê khoang cùng
31	Kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng phẫu thuật lấy thai
32	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay
33	Kỹ thuật gây tê tủy sống + ngoài màng cứng phối hợp phẫu thuật lấy thai
34	Kỹ thuật gây tê tủy sống phẫu thuật lấy thai
35	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
36	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da
37	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch
38	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương
39	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền ketamin liều thấp
40	Hạ thân nhiệt chỉ huy

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
41	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
42	Mở khí quản
43	Nâng thân nhiệt chỉ huy
44	Rửa tay phẫu thuật
45	Rửa tay sát khuẩn
46	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)
47	Siêu âm tim cấp cứu tại giường
48	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
49	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
50	Theo dõi SpO ₂
51	Thở oxy gọng kính
52	Thở oxy qua mặt nạ
53	Thở oxy qua ống chữ T
54	Truyền máu trong sốc
55	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh
56	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường
57	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ
58	Gây mê nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
59	Gây mê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser
60	Gây mê nội soi ổ bụng chẩn đoán
61	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản
62	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng
63	Gây mê phẫu thuật bất động ngoài xương chày, xương đùi
64	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung
65	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ vú
66	Gây mê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến
67	Gây mê phẫu thuật bụng cấp do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi
68	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn
69	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em
70	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
71	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
72	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
73	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
74	Gây mê phẫu thuật cắt cụt chi
75	Gây mê phẫu thuật cắt lách do chấn thương
76	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể
77	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể
78	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể
79	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay
80	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần
81	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ dưới 6 tuổi
82	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
83	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ
84	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung
85	Gây mê phẫu thuật cắt túi mật
86	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng hoặc bóc u buồng trứng
87	Gây mê phẫu thuật cắt u buồng trứng, gỡ dính
88	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu
89	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai
90	Gây mê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch
91	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn
92	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng
93	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
94	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
95	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
96	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein
97	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
98	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
99	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
100	Gây mê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
101	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang
102	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo
103	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
104	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
105	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ
106	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật
107	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
108	Gây mê phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
109	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật
110	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kerh
111	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng
112	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị ổ cận màng phổi
113	Gây mê phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày
114	Gây mê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa
115	Gây mê tán sỏi qua da bằng laser
116	Gây mê tán sỏi qua da bằng siêu âm
117	Gây mê tán sỏi thận qua da
118	Gây tê nội soi niệu quản tán sỏi bằng laser
119	Gây tê nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng
120	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung
121	Gây tê phẫu thuật bóc nhân xơ vú
122	Gây tê phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến
123	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm
124	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm
125	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm
126	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm
127	Gây tê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay
128	Gây tê phẫu thuật cắt cụt chi
129	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần
130	
131	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
132	Gây tê phẫu thuật cắt u da đầu
133	
134	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
135	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
136	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice
137	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
138	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
139	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
140	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
141	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo
142	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
143	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần
144	Gây tê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa
145	Gây tê tán sỏi qua da bằng laser
146	Gây tê tán sỏi qua da bằng siêu âm
147	Gây tê tán sỏi thận qua da

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Bệnh viện còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

IV. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.
- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.

- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

V. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.
- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.19. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH BÁC SĨ ĐỂ CẤP
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ
CHUYÊN KHOA TAI MŨI HỌNG**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Tai mũi họng; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng chuyên ngành Tai mũi họng tại Khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Tai mũi họng; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng chuyên môn khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành Tai mũi họng tại Khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Viêm mũi họng cấp tính
2	Viêm Amydal cấp và mạn tính
3	Viêm họng cấp tính
4	Viêm thanh quản cấp tính

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	Viêm thanh quản mạn tính
6	Viêm tai giữa cấp tính trẻ em
7	Viêm tai giữa mạn tính
8	Bệnh Polyp mũi
9	Bệnh mũi xoang mạn tính
10	Viêm V.A cấp và mạn tính
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu/dái tai
2	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ
3	Cắt bỏ vành tai thừa
4	Đặt ống thông khí màng nhĩ
5	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ
6	Chích rạch màng nhĩ
7	Khâu vết rạch vành tai
8	Bơm hơi vòi nhĩ
9	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai
10	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)
11	Nội soi lấy dị vật tai gậy mê
12	Chọc hút dịch vành tai
13	Chích nhọt ống tai ngoài
14	Làm thuốc tai
15	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
16	Cắt Polyp mũi
17	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi
18	Đốt điện cuốn mũi dưới
19	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới
20	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới
21	Sinh thiết hốc mũi
22	Nội soi sinh thiết u hốc mũi
23	Nội soi sinh thiết u vòm
24	Chọc rửa xoang hàm
25	Phương pháp Proetz
26	Nhét bắc mũi sau
27	Nhét bắc mũi trước
28	Cầm máu mũi bằng Merocel
29	Lấy dị vật mũi gậy tê/gậy mê
30	Nội soi lấy dị vật mũi gậy tê/mê
31	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)
32	Rút meche, rút merocel hốc mũi
33	Hút rửa mũi, xoang sau mũi
34	Phẫu thuật cắt Amidan gậy mê

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
35	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)
36	Nạo VA
37	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản
38	Phẫu thuật nạo V.A nội soi
39	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)
40	Phẫu thuật cắt u sàn miệng
41	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má
42	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng
43	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng
44	Chích áp xe sàn miệng
45	Chích áp xe quanh Amidan
46	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA
47	Cắt phanh lưỡi
48	Sinh thiết u hạ họng
49	Sinh thiết u họng miệng
50	Lấy dị vật họng miệng
51	Lấy dị vật hạ họng
52	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng
53	Đốt họng hạt bằng nhiệt
54	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)
55	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)
56	Bơm thuốc thanh quản
57	Đặt nội khí quản
58	Thay canuyn
59	Sơ cứu bong đường hô hấp
60	Khí dung mũi họng
61	Chích áp xe thành sau họng gây tê/mê
62	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản
63	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản
64	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê
65	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê
66	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
67	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê
68	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê
69	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê
70	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê
71	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê
72	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
73	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê
74	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê
75	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
76	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê
77	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê
78	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
79	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê
80	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê
81	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê
82	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ
83	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
84	Cắt chỉ sau phẫu thuật
85	Thay băng vết mổ
86	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Tài liệu giảng dạy, phương pháp dạy học

4.1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.
- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

4.2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.

- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

5. Đánh giá và xác nhận quá trình thực hành

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.
- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.20: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHÚC DANH BÁC SĨ ĐỀ CẤP GIẤY
PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA MẮT**
(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Mắt; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (thời gian đào tạo tối thiểu 9 tháng).

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng chuyên khoa Mắt tại Khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Mắt; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng chuyên khoa Mắt tại Khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để thực hiện khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt theo phạm vi hành nghề; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức cơ bản về khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và theo dõi các bệnh thường gặp về mắt

- Hiểu và áp dụng các quy định về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện khám nhãn khoa, đánh giá tình trạng sức khỏe và theo dõi diễn biến bệnh của người bệnh. Lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án Mắt theo đúng quy định. Tham gia theo dõi và xử trí ban đầu các tình huống thường gặp trong nhãn khoa theo phân công.

- Thực hiện được một số kỹ thuật chuyên môn cơ bản thuộc phạm vi hành nghề chuyên khoa theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên chuyên khoa, giao tiếp hiệu quả với người bệnh và người nhà người bệnh.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn người bệnh, bảo mật thông tin, kiểm soát nhiễm khuẩn và phòng ngừa sai sót chuyên môn.

- Có tinh thần trách nhiệm, cầu thị, học hỏi, chủ động nâng cao năng lực chuyên môn trong quá trình thực hành.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

- Nội dung về lý thuyết: Kiến thức cơ bản về khám bệnh, chữa bệnh; quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị; an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và các quy định pháp luật về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nội dung về thực hành: Thực hành khám bệnh, lập và hoàn thiện hồ sơ bệnh án; tham gia các hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo phân công; tham gia xử trí ban đầu các tình huống thường gặp; thực hiện các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với phạm vi hành nghề và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, bảo đảm tuân thủ quy chế chuyên môn, an toàn người bệnh và quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	Khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh hắc võng mạc trung tâm thanh dịch
2	Bong mắt do hoá chất
3	Khô mắt do thiếu Vitamin A
4	Tăng nhãn áp sau chấn thương đụng dập nhãn cầu
5	Viêm giác mạc do herpes

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
6	Viêm kết mạc cấp
7	Viêm kết mạc dị ứng cấp tính
8	Viêm màng bồ đào trước cấp tính
9	Viêm túi lệ
10	Viêm tổ chức hốc mắt
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
2	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (phaco) có hoặc không đặt IOL
3	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch kèm theo
4	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
5	Phẫu thuật thể thủy tinh bằng phaco và femtosecond có hoặc không đặt IOL
6	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
7	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
8	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
9	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
10	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thùng giác mạc
11	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối
12	Lấy dị vật hốc mắt
13	Cắt mống mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
14	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
15	Sinh thiết tổ chức kết mạc
16	Cắt u da mi không ghép
17	Cắt u mi cả bề dày không ghép
18	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
19	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
20	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
21	Tiêm cortison điều trị u máu
22	Cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt
23	Trích mủ mắt

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
24	Tái tạo cùng đồ
25	Đóng lỗ rò đường lệ
26	Phẫu thuật lác thông thường
27	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác
28	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mí
29	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mí
30	Phẫu thuật mở rộng khe mí
31	Phẫu thuật hẹp khe mí
32	Lấy da mí sa (mí trên, mí dưới, 2 mí) có hoặc không lấy mỡ dưới da mí
33	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên
34	Tạo hình móng mắt (khâu móng mắt, chân móng mắt...)
35	Cắt bẻ sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất antiVEGF
36	Tiêm nội nhãn
37	Tập nhược thị
38	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
39	Rửa chất nhân tiền phòng
40	Cắt bỏ túi lệ
41	Phẫu thuật mộng đơn thuần
42	Lấy dị vật giác mạc sâu
43	Cắt bỏ chấp có bọc
44	Khâu cò mí, tháo cò
45	Trích dẫn lưu túi lệ
46	Phẫu thuật lác người lớn
47	Khâu da mí đơn giản
48	Khâu phục hồi bờ mí
49	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
50	Khâu phủ kết mạc
51	Khâu giác mạc
52	Khâu củng mạc
53	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
54	Khâu lại mép mỡ giác mạc, củng mạc
55	Cắt bẻ củng giác mạc (Trabeculectomy)
56	Lạnh đông thể mí
57	Điện đông thể mí
58	Bơm hơi /khí tiền phòng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
59	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
60	Mức nội nhãn
61	Cắt thị thần kinh
62	Phẫu thuật quặm
63	Phẫu thuật quặm tái phát
64	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ
65	Mổ quặm bẩm sinh
66	Cắt chỉ khâu giác mạc
67	Tiêm dưới kết mạc
68	Tiêm cạnh nhãn cầu
69	Tiêm hậu nhãn cầu
70	Bơm thông lệ đạo
71	Lấy máu làm huyết thanh
72	Lấy dị vật kết mạc
73	Khâu kết mạc
74	Lấy calci kết mạc
75	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
76	Cắt chỉ khâu kết mạc
77	Đốt lông siêu, nhổ lông siêu
78	Bơm rửa lệ đạo
79	Trích chấp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc
80	Thay băng vô khuẩn
81	Tra thuốc nhỏ mắt
82	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
83	Rửa cùng đồ
84	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
85	Bóc sợi giác mạc
86	Bóc giả mạc
87	Rạch áp xe mi
88	Rạch áp xe túi lệ
89	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc
90	Soi đáy mắt trực tiếp
91	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
92	Soi đáy mắt bằng Schepens
93	Soi góc tiền phòng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
94	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
95	Khám lâm sàng mắt
96	Gây mê để khám
97	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
98	Phẫu thuật tạo nếp mi
99	Phẫu thuật tạo hình mi
100	Siêu âm mắt
101	Test thử cảm giác giác mạc
102	Test phát hiện khô mắt
103	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm
104	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm
105	Đo thị trường chu biên
106	Đo nhãn áp
107	Đo sắc giác
108	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
109	Đo khúc xạ máy
110	Đo thị lực
111	Thử kính
112	Đo độ lác
113	Xác định sơ đồ song thị
114	Đo biên độ điều tiết
115	Đo thị giác 2 mắt
116	Đo độ sâu tiền phòng
117	Đo độ dày giác mạc
118	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm
119	Đo độ lồi

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các thông tư, quy chế chuyên môn, hướng dẫn của Bộ Y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hành nghề.

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế phù hợp với từng chuyên ngành.
- Quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị, danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại đơn vị.
- Quy định về y đức, đạo đức hành nghề, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Tài liệu về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý chất lượng bệnh viện.
- Mẫu hồ sơ bệnh án (bệnh án giấy, bệnh án điện tử) và các tài liệu đào tạo, hướng dẫn nội bộ của đơn vị

2. Phương pháp dạy học

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp hướng dẫn thực hành tại khoa lâm sàng.
- Hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp trong quá trình khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án và thực hiện kỹ thuật.
- Học viên tự học, tự rèn luyện kỹ năng dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

- Cách thức đánh giá đầu ra: Đánh giá năng lực học viên thông qua theo dõi quá trình thực hành tại các khoa lâm sàng, mức độ hoàn thành nội dung thực hành; khả năng khám bệnh, làm hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, xử trí ban đầu, thực hiện kỹ thuật chuyên môn và thái độ nghề nghiệp theo quy định.
- Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

**PHỤ LỤC 3.21: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ ĐỀ CẤP GIẤY
PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ
CHUYÊN KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH**

*(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026
của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)*

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng, Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện đúng, an toàn và hiệu quả các kỹ thuật theo phạm vi hành nghề; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh liên quan đến lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh.
- Hiểu nguyên lý cơ bản của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh đang triển khai tại bệnh viện.
- Phân tích được hình ảnh bình thường và bệnh lý của các cơ quan, hệ cơ quan
- Nắm vững quy trình chuyên môn, quy trình kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh theo phạm vi hành nghề.
- Hiểu các quy định về an toàn bức xạ, an toàn người bệnh và bảo mật thông tin y tế.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật cơ bản: Đọc phim X-quang, Siêu âm tổng quát, Phân tích CT
- Mô tả chính xác tổn thương hình ảnh và đưa ra định hướng chẩn đoán phù hợp.
- Viết báo cáo kết quả chẩn đoán hình ảnh rõ ràng, chuẩn y khoa.
- Phối hợp hiệu quả với lâm sàng trong hội chẩn và theo dõi điều trị.
- Thực hiện được một số thủ thuật can thiệp cơ bản dưới hướng dẫn hình ảnh (nếu thuộc chương trình đào tạo).

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức và quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.
- Trung thực, cẩn trọng, có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.
- Tôn trọng, giao tiếp đúng mực với người bệnh và đồng nghiệp.
- Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn bức xạ, an toàn người bệnh và nội quy của cơ sở thực hành.
- Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

1. Nội dung về lý thuyết:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh.
- Quy chế chuyên môn về chẩn đoán hình ảnh.

- Nguyên tắc an toàn bức xạ trong y tế; phòng ngừa và kiểm soát phơi nhiễm bức xạ.

- Nguyên tắc bảo đảm an toàn người bệnh trong chẩn đoán hình ảnh.

- Đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế trong hoạt động chuyên môn.

- Quy định về bảo mật thông tin người bệnh và hồ sơ.

2. Nội dung về thực hành:

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	A. ĐIỆN QUANG
	1. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN
1	Siêu âm tuyến giáp
2	Siêu âm các tuyến nước bọt
3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt
4	Siêu âm hạch vùng cổ
5	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp
6	Siêu âm hốc mắt
7	Siêu âm qua thóp
8	Siêu âm nhãn cầu
9	Siêu âm doppler hốc mắt
10	Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ
11	Siêu âm màng phổi
12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)
13	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi
14	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
15	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
16	Siêu âm tử cung phần phụ
17	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)
18	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
19	Siêu âm doppler các khối u trong ổ bụng
20	Siêu âm doppler gan lách
21	Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)
22	Siêu âm doppler động mạch thận
23	Siêu âm doppler tử cung phần phụ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
24	Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)
25	Siêu âm 3D/4D thai nhi
26	Siêu âm doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới
27	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng
28	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo
29	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng
30	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo
31	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu
32	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa
33	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối
34	Siêu âm doppler động mạch tử cung
35	Siêu âm doppler thai nhi 3 tháng đầu
36	Siêu âm doppler thai nhi 3 tháng giữa
37	Siêu âm doppler thai nhi 3 tháng cuối
38	Siêu âm 3D/4D thai nhi
39	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)
40	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)
41	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới
42	doppler động mạch cảnh, doppler xuyên sọ
43	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực
44	Siêu âm doppler tim, van tim
45	Siêu âm tuyến vú hai bên
46	Siêu âm doppler tuyến vú
47	Siêu âm đàn hồi mô vú
48	Siêu âm tinh hoàn hai bên
49	Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên
50	Siêu âm dương vật
51	Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú...)
	2. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)
52	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng
53	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng
54	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao
55	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
56	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng
57	Chụp X-quang Blondeau
58	Chụp X-quang Hirtz
59	Chụp X-quang hàm chéch một bên
60	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến
61	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng
62	Chụp X-quang Chausse III
63	Chụp X-quang Schuller
64	Chụp X-quang Stenvers
65	Chụp X-quang khớp thái dương hàm
66	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)
67	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing)
68	Chụp X-quang răng toàn cảnh
69	Chụp X-quang phim cắn (Occlusal)
70	Chụp X-quang mỏm trâm
71	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng
72	Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên
73	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế
74	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2
75	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch
76	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
77	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéch hai bên
78	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
79	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập uốn
80	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze
81	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
82	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên
83	Chụp X-quang khung chậu thẳng
84	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéch
85	Chụp X-quang khớp vai thẳng
86	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéch
87	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng
88	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng
89	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
90	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)
91	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng
92	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
93	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
94	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên
95	Chụp X-quang khớp háng nghiêng
96	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng
97	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo
98	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè
99	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng
100	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo
101	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo
102	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng
103	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng
104	Chụp X-quang ngực thẳng
105	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên
106	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng
107	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo
108	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn
109	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng
110	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
111	Chụp X-quang tại giường
112	Chụp X-quang thực quản dạ dày
113	Chụp X-quang ruột non
114	Chụp X-quang đại tràng
115	Chụp X-quang đường mật qua Kehr
116	Chụp X-quang đường rò
117	Chụp X-quang tuyến nước bọt
118	Chụp X-quang tuyến lệ
119	Chụp X-quang tử cung vòi trứng
120	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)
121	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng
122	Chụp X-quang niệu quản - bể thận ngược dòng
123	Chụp X-quang niệu đạo bàng quang ngược dòng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
124	Chụp X-quang bàng quang trên xương mu
125	2. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH TỪ 1 – 32 DÂY
126	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
127	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
128	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
129	Chụp CLVT mạch máu não (từ 1-32 dây)
130	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 1-32 dây)
131	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
132	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
133	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 1-32 dây)
134	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dây)
135	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dây)
136	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 1-32 dây)
137	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
138	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dây)
139	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1- 32 dây)
140	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 1- 32 dây)
141	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dây)
142	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành (từ 1- 32 dây)
143	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dây)
144	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dây)
145	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dây)
146	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dây)
147	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 1-32 dây)
148	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 1-32 dây)
149	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion) (từ 1-32 dây)
150	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ 1-32 dây)
151	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ 1-32 dây)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
152	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 1-32 dãy)
153	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
154	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
155	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
156	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
157	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
158	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
159	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
160	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
161	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
162	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)
163	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 1- 32 dãy)
164	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 1- 32 dãy)
165	4. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP
166	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
167	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
168	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
169	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
170	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm
171	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm
172	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm
173	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm
174	Chọc hút dịch màng tim dưới hướng dẫn siêu âm
175	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm
176	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm
177	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm
178	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm
	B. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	1. TIM, MẠCH
179	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)
180	Đo lưu huyết não
181	Nghiệm pháp dây thắt
182	Điện tim thường
	2. HÔ HẤP
183	Test giãn phế quản (broncho modilator test)
184	Test dung tích sống gắng sức (FVC)
185	Test dung tích sống thở chậm (SVC)
186	Thông khí tự ý tối đa (MVV)
	3. THẦN KINH, TÂM THẦN
187	Ghi điện não đồ thông thường
	4. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU
188	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước
	5. TAI MŨI HỌNG
189	Phân tích âm giọng nói cơ bản
190	Đo thính lực đơn âm
191	Đo thính lực lời
192	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc
	6. MẮT
193	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel
194	Test thử cảm giác giác mạc
195	Test phát hiện khô mắt
196	Nghiệm pháp phát hiện glocom
197	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm
198	Đo thị trường chu biên
199	Đo sắc giác
200	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
201	Thử kính
202	Đo độ lác
203	Xác định sơ đồ song thị
204	Đo đường kính giác mạc
205	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm
206	Đo nhãn áp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
207	Đo thị lực
	7. CƠ XƯƠNG KHỚP
208	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm
209	Test prostigmin chẩn đoán nhược cơ
210	Nghiệm pháp Atropin
	8. NỘI TIẾT
211	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin
212	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Các văn bản của Bộ Y tế về an toàn bức xạ trong y tế.
- Quy chế chuyên môn chẩn đoán hình ảnh.
- Danh mục kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh được phê duyệt tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.
- Quy trình chuyên môn đối với các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh đang triển khai tại bệnh viện.

2. Phương pháp dạy học

- Hướng dẫn lý thuyết kết hợp thực hành trực tiếp tại khoa chẩn đoán hình ảnh.
- Học viên quan sát thao tác mẫu, sau đó thực hành dưới sự giám sát của người hướng dẫn.
- Kèm cặp cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ trong quá trình thực hành.
- Học tập dựa trên tình huống lâm sàng thực tế.
- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong suốt quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

1. Cách thức đánh giá đầu ra:

- Đánh giá thông qua quá trình tham gia thực hành tại các khoa, phòng chuyên môn theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung thực hành, kỹ năng chuyên môn, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người bệnh.
- Đánh giá kết quả thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phạm vi hành nghề; khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Kết hợp nhận xét của người hướng dẫn thực hành, trưởng khoa/phòng và kết quả theo dõi trong sổ nhật ký thực hành.

2. Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.

PHỤ LỤC 3.22: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ KHÚC XẠ NHÃN KHOA
(Ban hành kèm theo Bản công bố số 05/BVĐKVY ngày 06/7/2026 của Bệnh viện Đa khoa Việt Yên)

I. ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

1.1. Văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật y - kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa;

1.2. Văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật y - kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa;

1.3. Văn bằng cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật y - kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa.

Có đủ điều kiện sức khỏe, phẩm chất đạo đức, không thuộc các trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc.

- 05 tháng thực hành chuyên môn tại Khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết để thực hiện đúng, an toàn và hiệu quả các kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa theo phạm vi hành nghề; tuân thủ quy định pháp luật, quy chế chuyên môn và bảo đảm an toàn người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Sau thời gian thực hành, học viên đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh liên quan đến lĩnh vực khúc xạ nhãn khoa.

- Hiểu nguyên lý cơ bản của các phương pháp khúc xạ nhãn khoa đang triển khai tại bệnh viện.

- Nắm vững quy trình chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên ngành nhãn khoa theo phạm vi hành nghề.

- Hiểu các quy định về an toàn người bệnh và bảo mật thông tin y tế.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện tiếp nhận người bệnh và kiểm tra tính phù hợp của chỉ định khúc xạ nhãn khoa.

- Chuẩn bị người bệnh, phương tiện và trang thiết bị trước khi thực hiện kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa.

- Vận hành, sử dụng trang thiết bị an toàn, đúng quy trình.

- Thực hiện đúng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người bệnh và nhân viên y tế.

- Ghi chép, lưu trữ và bàn giao kết quả theo quy định.

- Phối hợp hiệu quả với bác sĩ và các bộ phận liên quan trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

2.3. Về thái độ

- Có thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tuân thủ y đức và quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.

- Trung thực, cẩn trọng, có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Tôn trọng, giao tiếp đúng mực với người bệnh và đồng nghiệp.

- Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn người bệnh và nội quy của cơ sở thực hành.

- Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

IV. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH

1. Nội dung về lý thuyết:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến lĩnh vực khúc xạ nhãn khoa.

- Quy chế chuyên môn về khúc xạ nhãn khoa.

- Nguyên tắc bảo đảm an toàn người bệnh.

- Đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế trong hoạt động chuyên môn.

- Quy định về bảo mật thông tin người bệnh.

2. Nội dung về thực hành:

- Thực hành tiếp nhận người bệnh và kiểm tra chỉ định khúc xạ nhãn khoa.

- Thực hành chuẩn bị người bệnh trước khi thực hiện kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa.

- Thực hành khám tật khúc xạ, kiểm tra các bệnh về mắt, đọc kết quả chẩn đoán và phương giao tiếp và tiếp xúc với bệnh nhân
- Thực hành vận hành, sử dụng trang thiết bị đo khúc xạ
- Các kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa khác theo danh mục kỹ thuật được phê duyệt của bệnh viện.
- Thực hành vệ sinh, bảo quản và bảo dưỡng trang thiết bị đo khúc xạ.
- Thực hành ghi chép, lưu trữ và bàn giao kết quả theo quy định.
- Thực hành phối hợp liên chuyên khoa trong quá trình thực hiện kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa.

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực – Chống độc
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Vận chuyển an toàn người bệnh
4	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
5	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
6	Xử trí sốc phản vệ
II	Khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa
A	Các kiến thức chung
1	Quản lý, vận hành, bảo quản các trang thiết bị máy móc đo khúc xạ
2	Tiếp đón và chuẩn bị người bệnh
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu
2	Bơm rửa lệ đạo
3	Thay băng vô khuẩn
4	Tra thuốc nhỏ mắt
5	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
6	Rửa cùng đồ
7	Cấp cứu bong mắt ban đầu
8	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)
9	Bóc giả mạc
10	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc
11	Soi đáy mắt trực tiếp
12	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
13	Soi đáy mắt bằng Schepens
14	Soi góc tiền phòng
15	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
16	Khám lâm sàng mắt
	<i>Thăm dò chức năng và xét nghiệm</i>
17	Test thử cảm giác giác mạc
18	Test phát hiện khô mắt
19	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm
20	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm
21	Đo thị trường chu biên
22	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz.....)
23	Đo sắc giác
24	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
25	Đo khúc xạ máy
26	Đo khúc xạ giác mạc Javal
27	Đo thị lực
28	Thử kính
29	Đo độ lác
30	Xác định sơ đồ song thị
31	Đo biên độ điều tiết
32	Đo thị giác 2 mắt
33	Đo độ sâu tiền phòng
34	Đo đường kính giác mạc

V. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quy chế chuyên môn khúc xạ nhãn khoa
- Danh mục kỹ thuật chuyên khoa mắt được phê duyệt tại Bệnh viện Đa khoa Việt Yên.
- Quy trình chuyên môn đối với các kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa đang triển khai tại bệnh viện.

2. Phương pháp dạy học

- Hướng dẫn lý thuyết kết hợp thực hành trực tiếp tại Khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa.

- Học viên quan sát thao tác mẫu, sau đó thực hành dưới sự giám sát của người hướng dẫn.

- Kèm cặp cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ trong quá trình thực hành.

- Học tập dựa trên tình huống lâm sàng thực tế.

- Đánh giá, nhận xét thường xuyên trong suốt quá trình thực hành.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

1. Cách thức đánh giá đầu ra:

- Đánh giá thông qua quá trình tham gia thực hành tại các khoa, phòng chuyên môn theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Đánh giá mức độ hoàn thành các nội dung thực hành, kỹ năng chuyên môn, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người bệnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phạm vi hành nghề; khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Kết hợp nhận xét của người hướng dẫn thực hành, trưởng khoa/phòng và kết quả theo dõi trong sổ nhật ký thực hành.

2. Quy trình cấp giấy xác nhận quá trình thực hành: Căn cứ kết quả đánh giá của người hướng dẫn thực hành và xác nhận của khoa/phòng chuyên môn, bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho học viên theo quy định hiện hành./.